

Số: 340 /TTr- HĐND

Cao Bằng, ngày tháng 11 năm 2021

## TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định một số chế độ,  
định mức chi bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp  
tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2021-2026**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015, Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII kỳ họp thường lệ cuối năm xem xét, ban hành Nghị quyết Quy định một số chế độ, định mức chi bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2021-2026 với những nội dung cụ thể như sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

#### 1. Cơ sở thực tiễn

Tại Kỳ họp thứ 5 HĐND tỉnh khóa XVI, HĐND tỉnh Cao Bằng đã ban hành Nghị quyết số 16/2017/NQ-HĐND Quy định một số chế độ, định mức chi bảo đảm cho hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2016 – 2021; Sau 05 triển khai thực hiện, một số quy định và định mức chi không còn phù hợp; Nghị quyết số 16/2017/NQ-HĐND có hiệu lực áp dụng cho nhiệm kỳ 2016-2021

Căn cứ Luật Bầu cử, ngày 23/5/2021 cử tri tỉnh Cao Bằng đã tiến hành bầu ra đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ nhất của HĐND các cấp đã bầu các chức danh theo quy định. Vì vậy, để có cơ sở thực hiện đảm bảo điều kiện hoạt động cho HĐND các cấp tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2021-2026, việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định một số chế độ, định mức chi bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2021-2026 là cần thiết và đúng thẩm quyền.

#### 2. Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Điều 27 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: “1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên; 2. Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”.

- Căn cứ Điểm a, khoản 1, Điều 19 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh trong tổ chức và bảo

đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật quy định: “a) Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh”;

- Căn cứ Khoản 3, Điều 4 Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định: “Đại biểu Hội đồng nhân dân được cấp kinh phí hoạt động tiếp xúc cử tri, giám sát; hỗ trợ công tác phí; khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ; may lễ phục; nghiên cứu; học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định”;

- Căn cứ Điểm h, khoản 9, Điều 30 Luật Ngân sách Nhà nước quy định: “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương”.

- Căn cứ nhiệm vụ của HĐND các cấp và vận dụng nội dung và mức chi tại Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội (Công văn số 452/BCTĐB-CTĐB ngày 03/12/2012 của Ban Công tác đại biểu của Quốc hội; Công văn 16561/BTC-HCSN ngày 27/11/2012 của Bộ Tài chính cho phép HĐND tỉnh áp dụng Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII để quy định mức chi tiêu cho HĐND phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương).

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định một số chế độ, định mức chi bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2021-2026 tạo cơ sở pháp lý, đảm bảo điều kiện vật chất và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của HĐND.

### **2. Quan điểm**

- Nghị quyết được xây dựng đảm bảo đúng thẩm quyền, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương;

- Nghị quyết được xây dựng đảm bảo phù hợp với quy định của Luật ngân sách nhà nước; Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và các văn bản khác có liên quan; đồng thời xem xét, vận dụng những nội dung phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 524/2012/NQ-UBTVQH13 ngày 20 tháng 9

năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nội dung chi, mức chi có tham khảo với một số tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng với tỉnh Cao Bằng; đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

### **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Nghị quyết được xây dựng đúng trình tự, thủ tục theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và đảm bảo phù hợp với quy định của Luật ngân sách Nhà nước năm 2015.

Thực hiện quy định về xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh đã gửi đăng tải dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Cao Bằng trong thời hạn 30 ngày (kể từ ngày 15/10/2021 đến hết ngày 15/11/2021) và gửi văn bản xin ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết Quy định một số chế độ, định mức chi bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2021-2026.

Qua tổng hợp, có 20 cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là tổ chức) và cá nhân (đại biểu HĐND tỉnh) có ý kiến gửi về Ban Kinh tế- ngân sách.

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các đơn vị, Ban Kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh đã xây dựng Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình các nội dung cụ thể và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

#### **1. Về bố cục**

Dự thảo Nghị quyết được bố cục theo hình thức Nghị quyết ban hành quy định gồm 03 chương và 12 điều: Chương I. Quy định chung; Chương II. Những quy định cụ thể; Chương III. Tổ chức thực hiện.

#### **2. Về nội dung chủ yếu của Nghị quyết**

Nội dung cơ bản của Nghị quyết Ban hành Quy định một số chế độ, định mức chi bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2021-2026 trình bày tại quy định kèm theo như sau:

- Chương I: Quy định chung
  - + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
  - + Điều 2. Đối tượng áp dụng
  - + Điều 3. Nguyên tắc chung
- Chương II: Những quy định cụ thể
  - + Điều 4. Chi hoạt động phục vụ các Kỳ họp, cuộc họp

- + Điều 5. Chi hoạt động giám sát, khảo sát
- + Điều 6. Chi hỗ trợ tiếp xúc cử tri
- + Điều 7. Chế độ công tác phí, hội nghị
- + Điều 8. Chi các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân; Văn phòng phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân
- + Điều 9. Phụ cấp của đại biểu Hội đồng nhân dân, chi hỗ trợ đối với đại biểu Hội đồng nhân dân
- + Điều 10. Các chế độ khác phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân
- Chương III: Tổ chức thực hiện
- + Điều 11. Áp dụng mức chi tại Quy định
- + Điều 12. Khi có quy định mới của Trung ương

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.

*(Xin gửi kèm theo dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định một số chế độ, định mức chi bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2021-2026)*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**



**La Văn Hồng**

Số: /2021/NQ-HĐND  
(DỰ THẢO)

Cao Bằng, ngày tháng 11 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định một số chế độ, định mức chi bảo đảm  
cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp  
tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2021-2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG  
KHOÁ XVII KỲ HỌP THỨ .....**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật giám sát Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11  
năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm  
2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các  
điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;*

*Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ  
trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh  
phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm  
pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ  
trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;*

*Xét Tờ trình số /TTr- HĐND ngày /11/2021 của Ban Kinh tế - Ngân  
sách Hội đồng nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định một số  
chế độ, định mức chi bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp  
tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2021-2026; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội  
đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ  
họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chế độ, định mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2021-2026.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp bảo đảm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Hiệu lực thi hành

Nghị quyết số 16/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 07 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số chế độ, định mức chi bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2016-2021 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XVII Kỳ họp thứ .... thông qua ngày.... tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày....tháng 12 năm 2021.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Một số chế độ, định mức chi bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2021-2026**

*(Kèm theo Nghị quyết số: /2021/NQ-HĐND ngày tháng 11 năm 2021 Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026)*

### **Chương I**

## **QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định một số chế độ, định mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2021-2026, bao gồm:

1. Chi hoạt động phục vụ kỳ họp, cuộc họp Hội đồng nhân dân;
2. Chi hoạt động giám sát, khảo sát;
3. Chi hoạt động tiếp xúc cử tri;
4. Chế độ công tác phí, hội nghị;
5. Chi các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân; Văn phòng phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân;
6. Chi phụ cấp, hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân;
7. Các chế độ khác phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp và các đối tượng khác được phân công, thuê hoặc trung tập để phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân.

### **Điều 3. Nguyên tắc chung**

1. Sử dụng có hiệu quả kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân, thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Phòng chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Việc chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp phải có trong dự toán được giao, đảm bảo đúng đối tượng được hưởng, định mức quy định theo Nghị quyết này.

Nguồn kinh phí chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp được bố trí theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước. Hàng năm Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp lập dự toán ngân sách trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phù hợp với định mức thời kỳ ổn định ngân sách.

3. Các chế độ, định mức chi khác bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp không nêu tại Quy định này được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh Cao Bằng.

## Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

### Điều 4. Chi hoạt động phục vụ các Kỳ họp, cuộc họp

#### 1. Kỳ họp Hội đồng nhân dân

a) Chi soạn thảo báo cáo kết quả thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân đối với các báo cáo, dự thảo Nghị quyết của Ủy ban nhân dân, các ngành trình tại kỳ họp.

*Đơn vị tính: đồng/1 văn bản được thẩm tra./.*

Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Soạn thảo báo cáo thẩm tra	500.000	350.000	250.000

#### b) Chi cho cá nhân tham gia cuộc họp thẩm tra

*Đơn vị tính: đồng/người/buổi./.*

Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
- Chủ trì cuộc họp	150.000	100.000	80.000
- Thành viên dự họp	100.000	70.000	50.000
- Người phục vụ họp thẩm tra	80.000	60.000	40.000

c) Chi nghiên cứu các tài liệu trước khi thẩm tra của các thành viên các Ban Hội đồng nhân dân

Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
- Thành viên các Ban ( <i>đồng/1 kỳ họp</i> )	500.000	350.000	250.000
- Thành viên các Ban chuyên trách ( <i>đồng/1 văn bản thẩm tra</i> )	500.000	350.000	250.000

d) Chi nghiên cứu các tài liệu, báo cáo, đề án, hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình kỳ họp thường kỳ Hội đồng nhân dân:

*Đơn vị tính: đồng/người/1 kỳ họp./.*

Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
- Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách	500.000	350.000	250.000
- Đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách	1.000.000	700.000	500.000



(Đối với Kỳ họp chuyên đề mức chi được tính bằng 50% mức chi cho kỳ họp thường kỳ).

đ) Chi xây dựng báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết và các văn bản trình kỳ họp

*Đơn vị tính: đồng/1 văn bản./.*

Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
- Xây dựng Tờ trình, dự thảo nghị quyết là văn bản cá biệt do Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân trình kỳ họp; Báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận tổ; Biên bản kỳ họp; Báo cáo tổng hợp ý kiến kiến nghị của cử tri	500.000	350.000	250.000
- Soạn thảo các văn bản khai mạc kỳ họp, bế mạc kỳ họp, Báo cáo rút kinh nghiệm kỳ họp	300.000	200.000	150.000
- Xây dựng các báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân trình kỳ họp theo quy định của Pháp luật	500.000	350.000	250.000
- Xây dựng Chương trình; Kế hoạch công tác nhiệm kỳ; Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân theo quy định của Pháp luật	1.000.000	700.000	500.000

e) Chi cho việc rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện Nghị quyết sau khi thông qua

*Đơn vị tính: đồng/1 nghị quyết./.*

Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Chi cho việc rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện Nghị quyết sau khi thông qua	500.000	350.000	250.000

g) Chi bồi dưỡng các ngày diễn ra kỳ họp:

*Đơn vị tính: đồng/người/1 ngày./.*

Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
- Chủ tọa điều hành Kỳ họp	400.000	300.000	200.000
- Thư ký Kỳ họp	300.000	200.000	150.000
- Đại biểu Hội đồng nhân dân	300.000	200.000	150.000
- Cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp phục vụ kỳ họp	200.000	150.000	100.000

h) Chi tiền ăn (bao gồm cả đồ uống), giải khát giữa buổi cho Đại biểu Hội đồng nhân dân và thành phần tham dự kỳ họp

*Đơn vị tính: đồng/người/ngày./.*

Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Chi tiền ăn (bao gồm cả đồ uống) cho Đại biểu Hội đồng nhân dân và thành phần tham dự kỳ họp	300.000	300.000	200.000
Mức tiền ăn bữa tổng kết nhiệm kỳ: Chi bằng mức tiền ăn tiếp khách theo quy định hiện hành của tỉnh Cao Bằng.			
Chi tiền giải khát giữa buổi cho Đại biểu Hội đồng nhân dân và thành phần tham dự kỳ họp	Thực hiện theo quy định hiện hành.		

i) Đại biểu khách mời, đại biểu Hội đồng nhân dân dự Kỳ họp được bố trí phòng nghỉ theo quy định hiện hành. Đại biểu Hội đồng nhân dân không nghỉ tại địa điểm được bố trí thì không được thanh toán tiền phòng nghỉ.

k) Chế độ làm thêm giờ: Trước, trong và sau các kỳ họp HĐND các cấp cán bộ, công chức, người lao động phải làm thêm giờ (*ngoài giờ hành chính, các ngày nghỉ*) được thanh toán tiền làm thêm giờ theo quy định hiện hành.

l. Chi hỗ trợ tuyên truyền:

- Đối với Kỳ họp thường kỳ:  
+ Kỳ họp có truyền hình trực tiếp: 15.000.000 đồng/Kỳ họp; Phát thanh trực tiếp: 10.000.000 đồng/Kỳ họp;  
+ Báo Cao Bằng đưa tin: 3.000.000 đồng/Kỳ họp.  
+ Tại cấp huyện mức chi phát thanh trực tiếp mức chi tối đa 3.000.000đ/kỳ họp.

- Đối với Kỳ họp chuyên đề:

+ Kỳ họp không Phát thanh, không Truyền hình trực tiếp: Báo Cao Bằng, Đài Phát thanh - Truyền hình đưa tin: 3.000.000 đồng/Kỳ họp.

- Chuyên mục cơ quan dân cử và cử tri trên sóng truyền hình, Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng 2.000.000/1 chuyên mục; trên sóng phát thanh 1.000.000 đồng/1 chuyên mục.

2. Phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân; các Ban của Hội đồng nhân dân; họp lấy ý kiến đóng góp vào dự thảo Luật, pháp lệnh; tham vấn ý kiến nhân dân

a) Chi bồi dưỡng họp phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân; các Ban của Hội đồng nhân dân

*Đơn vị tính: đồng/người/buổi./.*

Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
- Chủ trì phiên họp	150.000	100.000	80.000
- Thành viên dự họp	100.000	70.000	50.000
- Nhân viên phục vụ	80.000	60.000	40.000
- Chế độ chè, nước giải khát	Thực hiện theo quy định hiện hành.		

b) Chi xây dựng các văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân

*Đơn vị tính: đồng/l văn bản./.*

Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
- Chi hỗ trợ xây dựng thông báo kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân về nội dung cuộc họp	500.000	350.000	250.000
- Chi hỗ trợ soạn thảo báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân để tham mưu, đề xuất giải quyết nội dung Ủy ban nhân dân trình phát sinh giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân	500.000	350.000	250.000
- Chi hỗ trợ xây dựng văn bản của Thường trực HĐND giải quyết nội dung UBND tỉnh trình phát sinh giữa hai kỳ họp HĐND tỉnh	300.000	200.000	150.000
- Chi hỗ trợ soạn thảo báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia đối với dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết, nghị quyết liên tịch của Ủy ban thường vụ Quốc hội mới hoặc thay thế	1.000.000		
- Chi hỗ trợ soạn thảo báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia đối với dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết, nghị quyết liên tịch của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều	700.000		
- Chi hỗ trợ soạn thảo báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật khác theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành	500.000		

c) Chi tham vấn ý kiến nhân dân (*chỉ thực hiện đối với cấp tỉnh*)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền
1	Chi xây dựng kế hoạch tham vấn: tùy theo quy mô, tính chất, khối lượng các chỉ tiêu công việc, công cụ thực hiện tham vấn nhân dân ( <i>từ tổng quát đến chi tiết</i> )	Đồng/kế hoạch	500.000
2	Chi lập mẫu phiếu lấy ý kiến ( <i>điều tra xã hội học</i> ); bảng câu hỏi tham vấn	Đồng/mẫu phiếu, bảng hỏi	500.000
3	Chi hội nghị lấy ý kiến cử tri theo chuyên đề, họp ban chỉ đạo, họp lấy ý kiến các chuyên gia, các ngành có liên quan đến nội dung tham vấn nhân dân; họp tổng kết tham vấn		
a	Chủ trì hội nghị	Đồng/người/hội nghị	150.000
b	Thành viên, thư ký đoàn công tác tham vấn	Đồng/người/hội nghị	100.000

c	Chi hỗ trợ cho mỗi điểm tổ chức tham vấn ( <i>huyện, xã...</i> ) để trang trải các chi phí cần thiết như trang trí, thuê địa điểm, bảo vệ, nước uống và các khoản chi phí khác	Đồng/điểm	500.000
d	Chi biên soạn tài liệu, viết báo cáo tổng hợp	Đồng/báo cáo	500.000
e	Chi phục vụ	Đồng/người/hội nghị	80.000
g	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin, tự điền phiếu lấy ý kiến ( <i>điều tra xã hội học</i> )	Đồng/phiếu	10.000
h	Chi xử lý tổng hợp phiếu lấy ý kiến ( <i>điều tra xã hội học</i> )	Đồng/phiếu	10.000
i	Chi bồi dưỡng cho người trợ giúp ( <i>trong trường hợp người dân là đồng bào dân tộc thiểu số không biết tiếng phổ thông và không có khả năng tự điền ý kiến của mình vào phiếu</i> )	Đồng/phiếu	5.000
4	Chi hội nghị các bên có liên quan		
a	Chủ trì	Đồng/người/buổi	150.000
b	Thành viên, thư ký đoàn công tác tham vấn	Đồng/người/buổi	100.000
c	Báo cáo tổng hợp ý kiến	Đồng/báo cáo	500.000
d	Người phục vụ ( <i>lái xe, phục vụ nước uống</i> )	Đồng/người/ngày	80.000
e	Chi tiền nước uống và giải khát giữa giờ	Đồng/người/ngày	40.000
5	Chi viết báo cáo tổng hợp kết quả tham vấn ý kiến nhân dân	Đồng/báo cáo	1.000.000

### Điều 5. Chi hoạt động giám sát, khảo sát

#### 1. Mức chi xây dựng văn bản phục vụ giám sát, khảo sát

*Đơn vị tính: đồng/1 văn bản./.*

Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
- Chi xây dựng Quyết định thành lập đoàn giám sát, khảo sát;	500.000	350.000	250.000
- Chi xây dựng kế hoạch và đề cương giám sát, khảo sát	500.000	350.000	250.000
- Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát chung của đoàn giám sát; báo cáo kết quả khảo sát chung của đoàn khảo sát	1.000.000	700.000	500.000

#### 2. Chi cho đoàn giám sát, khảo sát và các cuộc họp giám sát, khảo sát

Trong thời gian thực hiện giám sát, khảo sát thì ngoài chế độ công tác phí theo quy định của pháp luật hiện hành, chế độ chi đối với các đoàn giám sát, khảo sát của Hội đồng nhân dân các cấp được quy định như sau:

*Đơn vị tính: đồng/người/buổi./.*

Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
- Trưởng Đoàn	200.000	140.000	100.000
- Thành viên, đại biểu mời tham gia hoạt động giám sát, khảo sát	150.000	100.000	80.000

- Nhân viên phục vụ	80.000	60.000	40.000
---------------------	--------	--------	--------

### **Điều 6. Chi hỗ trợ tiếp xúc cử tri**

1. Hỗ trợ cho mỗi điểm tiếp xúc cử tri theo kế hoạch (bao gồm: Trang trí khánh tiết, âm thanh, nước uống và một số khoản chi khác):

- Đối với Hội nghị tập trung mức chi tối đa cho 1 điểm tiếp xúc cử tri như sau: cấp tỉnh 3.000.000 đồng; cấp huyện 2.000.000 đồng; cấp xã 1.500.000 đồng.

- Đối với Hội nghị trực tuyến: Chi theo thực tế phát sinh.

2. Hỗ trợ nhân viên, phóng viên Báo, Đài truyền hình phục vụ tiếp xúc cử tri: 80.000 đồng/người/buổi.

3. Chi soạn thảo kế hoạch, đề cương; tiếp xúc cử tri: cấp tỉnh: 500.000 đồng/bộ; cấp huyện: 350.000 đồng/bộ, cấp xã 250.000 đồng/bộ.

4. Chi xây dựng báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri theo tổ đại biểu Hội đồng nhân dân: cấp tỉnh: 300.000 đồng/báo cáo/đợt tiếp xúc cử tri; cấp huyện: 200.000 đồng/báo cáo/đợt tiếp xúc cử tri; cấp xã: 150.000 đồng/báo cáo/đợt tiếp xúc cử tri.

5. Chi hỗ trợ tiếp xúc cử tri của Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp

a) Hỗ trợ tiếp xúc cử tri của Đại biểu Hội đồng nhân dân

Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định, thực hiện chi hỗ trợ kinh phí tiếp xúc cử tri đối với đại biểu Hội đồng nhân dân như sau:

Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
- Đại biểu Hội đồng nhân dân (đồng/đại biểu/năm)	3.000.000	2.100.000	1.500.000

Riêng năm chuyển giao nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, huyện, xã (không bao gồm đại biểu tái cử) được tính bằng 50% mức quy định trên.

b, Hỗ trợ tiếp xúc cử tri chuyên đề của Đại biểu Hội đồng nhân dân

Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
- Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách tiếp xúc cử tri chuyên đề (đồng/đại biểu/năm)	2.000.000	1.400.000	1.000.000

*(Khoản 1,2,3,4, 5 điều này chi từ kinh phí hoạt động đại biểu HĐND tỉnh tại huyện, thành phố được giao tại Nghị quyết... về Ban hành quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 thời kỳ ổn định 2022- 2025 tỉnh Cao Bằng).*

### **Điều 7. Chế độ công tác phí, hội nghị**

1. Hội đồng nhân dân thanh toán toàn bộ tiền công tác phí theo quy định cho đại biểu Hội đồng nhân dân khi tham gia các hoạt động tiếp xúc cử tri, giám sát, khảo sát, tham gia hoạt động nghiên cứu, trao đổi, học tập kinh nghiệm theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân, lãnh đạo các Ban của Hội

đồng nhân dân. Hội đồng nhân dân cấp nào tổ chức thì Hội đồng nhân dân cấp đó có trách nhiệm thanh toán công tác phí (tiền phụ cấp lưu trú, thuê phòng nghỉ, bố trí xe phục vụ chung).

## 2. Chi tiền ăn, nghỉ tại hội nghị và khi đi công tác:

a) Các hội nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân (*hội nghị giao ban Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh với Hội đồng nhân dân các cấp; hội nghị giao ban Thường trực Hội đồng nhân dân huyện với Hội đồng nhân dân xã, thị trấn; họp thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân; họp tổng kết năm Thường trực Hội đồng nhân dân; họp tổng kết các Ban; họp tổng kết nhiệm kỳ Hội đồng nhân*): Trong trường hợp tổ chức ăn, nghỉ tập trung, cơ quan tổ chức hội nghị chi trả tiền ăn, nghỉ đối với tất cả các đại biểu tham dự hội nghị và nhân viên phục vụ. Đại biểu không nghỉ tại địa điểm được bố trí thì không được thanh toán tiền thuê phòng ngủ theo quy định.

b) Định mức chi tiền ăn tại các hội nghị; mức chi tiền phòng nghỉ quy định tại điểm a, khoản 2 điều này được chi tối đa theo mức tiền ăn của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp.

Trong các ngày đại biểu tham dự hội nghị đã được thanh toán tiền ăn và bố trí chỗ nghỉ thì không được thanh toán tiền phụ cấp lưu trú và Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ.

Việc hỗ trợ tiền vé xe đi lại cho đại biểu Hội đồng nhân dân từ các địa bàn ở xa đến Thành phố hoặc trung tâm huyện để tham gia các hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân thanh toán tại đơn vị triệu tập đại biểu (đối với đại biểu Hội đồng nhân dân mà đơn vị đại biểu đang công tác bố trí xe ô tô phục vụ riêng thì được cấp triệu tập thanh toán tiền ăn, ngủ của lái xe theo quy định này).

c) Chế độ chè, nước giải khát: Thực hiện theo quy định hiện hành.

d) Chi hỗ trợ xây dựng báo cáo đề dẫn, tham luận tại hội nghị: 500.000 đồng/văn bản.

đ) Hỗ trợ trang trí khánh tiết: Chi theo thực tế phát sinh.

## **Điều 8. Chi các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân; Văn phòng phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân**

1. Mỗi nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân được cấp tiền may 02 (hai) bộ lễ phục, với mức chi như sau: 5.000.000 đồng/bộ đối với cấp tỉnh; 3.500.000 đồng/bộ đối với cấp huyện; 2.500.000 đồng/bộ đối với cấp xã.

2. Mỗi nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được cấp một máy tính xách tay hoặc một máy tính bảng, 01 cặp công tác.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu theo quy định.

4. Kinh phí khai thác internet để thực hiện kỳ họp không giấy với mức chi: 100.000 đồng/người/tháng đối với Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Ngoài ra, Đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách được hỗ trợ phí khai thác internet tìm kiếm, tra cứu thông tin với mức chi: 200.000 đồng/người/tháng đối với cấp tỉnh; 150.000 đồng/người/tháng đối với cấp huyện; 100.000 đồng/người/tháng đối với cấp xã.

5. Chế độ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ hàng năm:

Ngoài các chế độ theo quy định, đại biểu Hội đồng nhân dân được hỗ trợ kinh phí khám, chăm sóc sức khỏe, với mức chi: 4.000.000 đồng/đại biểu/năm đối với cấp tỉnh; 3.000.000 đồng/đại biểu/năm đối với cấp huyện; 2.000.000 đồng/đại biểu/năm đối với cấp xã.

Riêng năm chuyên giao nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân (không bao gồm đại biểu tái cử) được tính bằng 50% mức trên.

6. Mỗi nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân, cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp phục vụ các hoạt động của Hội đồng nhân dân được cấp tiền may 01 bộ lễ phục với mức chi tối đa không quá: 5.000.000 đồng/bộ/ cấp tỉnh; 3.500.000 đồng/bộ/ cấp huyện; 2.500.000 đồng/bộ/cấp xã.

7. Chi tổ chức các đoàn đi học tập trao đổi kinh nghiệm; chi mời chuyên gia trao đổi với một số lĩnh vực đặc thù cần thiết; hoạt động đặc thù khác của HĐND tỉnh do Thường trực HĐND tỉnh quyết định.

**Điều 9. Phụ cấp của đại biểu Hội đồng nhân dân, chi hỗ trợ đối với đại biểu Hội đồng nhân dân**

1. Phụ cấp của đại biểu Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động không chuyên trách, Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện kiêm nhiệm, Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã kiêm nhiệm: thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Chi hỗ trợ đối với các chức vụ kiêm nhiệm của Hội đồng nhân dân

*Đơn vị tính: mức lương cơ sở/người/tháng./.*

Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1. Trưởng ban	0,5	0,3	0,15
2. Phó trưởng ban			0,13
3. Tổ trưởng, tổ đại biểu	0,2	0,15	
4. Tổ phó Tổ đại biểu	0,15	0,1	
5. Thành viên các Ban của HĐND	0,2	0,15	0,1

Người nào kiêm nhiệm nhiều chức danh thì chỉ được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất.

3. Chi hỗ trợ Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách

*Đơn vị tính: mức lương cơ sở/người/tháng./.*

Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
- Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách	1,0	0,5	0,3

**Điều 10. Các chế độ khác phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân**

## 1. Chi thăm hỏi, trợ cấp ốm đau; tang lễ

Đơn vị tính: đồng/người/lần./.

Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1- Chi thăm hỏi, ốm đau: Đại biểu HĐND; Nguyên là Thường trực HĐND; Lãnh đạo các Ban HĐND và Lãnh đạo Văn phòng HĐND đã nghỉ hưu	1.000.000	1.000.000	1.000.000
2- Trường hợp Đại biểu HĐND bị bệnh hiểm nghèo (chi không quá 02 lần/đại biểu/năm)	5.000.000	5.000.000	5.000.000
3- Chi trợ cấp đối với gia đình các đối tượng sau nêu từ trần: Đại biểu HĐND; bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con của đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm; Nguyên là Thường trực HĐND; Lãnh đạo Văn phòng HĐND (không bao gồm vòng hoa, lễ viếng được thanh toán theo thực tế)	2.000.000	2.000.000	2.000.000
4- Trường hợp gia đình đại biểu HĐND tỉnh gặp khó khăn đột xuất như thiên tai, tai nạn, hỏa hoạn... Tùy theo hoàn cảnh và mức độ khó khăn, Thường trực HĐND quyết định hỗ trợ không quá	2.000.000	1.400.000	1.000.000

- Các mức chi thăm hỏi, trợ cấp đối với cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân được thực hiện như đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp.

- Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý: ngoài chế độ nêu trên, được thực hiện theo quy định chung của tỉnh về chế độ từ trần.

## 2. Chế độ tặng quà đối với các đối tượng chính sách - xã hội

Chế độ tặng quà được thực hiện đối với các đối tượng sau: Các đối tượng chính sách được quy định tại khoản 1 Điều 2 của Pháp Lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, trong lao động sản xuất, có đóng góp với hoạt động của Hội đồng nhân dân; gia đình và cá nhân gặp rủi ro do thiên tai; các tập thể thuộc diện chính sách xã hội, như trại điều dưỡng thương, bệnh binh, trại trẻ mồ côi, người khuyết tật; trường dân tộc nội trú; các đơn vị bộ đội, công an ở biên giới và các trường hợp đặc biệt khác do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định.

Mức giá trị quà tặng cho mỗi lần thăm hỏi tối đa như sau:

Đơn vị tính: đồng/đơn vị, người/lần./.



Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1. Thường trực Hội đồng nhân dân			
- Đối với tập thể	5.000.000	3.000.000	2.000.000
- Đối với cá nhân	1.000.000	700.000	500.000
2. Các Ban Hội đồng nhân dân			
- Đối với tập thể	3.000.000	2.000.000	1.000.000
- Đối với cá nhân	700.000	500.000	300.000

## 3. Chế độ tặng quà lưu niệm

Đơn vị tính: đồng/người./.

Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1. Đại biểu HĐND được tặng quà lưu niệm khi kết thúc nhiệm kỳ; thôi làm nhiệm vụ đại biểu (do nghỉ hưu chuyển công tác, lý do sức khỏe)	Do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định trên cơ sở cân đối nguồn kinh phí được giao		
2. Đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách, cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND được tặng quà lưu niệm khi chuyển công tác, nghỉ hưu	1.500.000	1.000.000	750.000

## 4. Chế độ khác

## a) Đối với các cuộc họp báo:

- Người chủ trì cuộc họp: 150.000 đồng/người/cuộc họp.

- Đại biểu tham dự, phóng viên báo, đài, cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh trực tiếp phục vụ cuộc họp: 100.000 đồng/người/cuộc họp.

b) Các hoạt động nghiên cứu, trao đổi, học tập kinh nghiệm của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định trên cơ sở dự toán được giao hằng năm.

c) Xây dựng phóng sự tổng kết nhiệm kỳ; kỷ yếu nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân tỉnh: thanh toán theo thực tế dung lượng thời gian và quy mô thực hiện do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

### Chương III

#### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**Điều 11.** Mức chi tại Quy định này là mức chi tối đa, Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định mức chi cho phù hợp, trong khả năng cân đối ngân sách cấp mình.

**Điều 12.** Khi có quy định mới của Trung ương, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm rà soát các nội dung chi, định mức chi tại Quy định này để xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG

Số: 339/BC-HĐND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 19 tháng 11 năm 2021

**BẢNG TỔNG HỢP**

**Ý kiến đóng góp đối với dự thảo Nghị quyết Ban hành Quy định một số chế độ, định mức chi bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2021-2026**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015, Ban Kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh đã gửi dự thảo nghị quyết Ban hành Quy định một số chế độ, định mức chi bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2021-2026 xin ý kiến của các cơ quan, đơn vị, địa phương và đại biểu HĐND Tỉnh. Đến hết ngày 05/11/2021 Ban Kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh đã nhận được 20 ý kiến của các cơ quan, đơn vị, địa phương và đại biểu HĐND Tỉnh. Trên cơ sở ý kiến góp ý, Ban Kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh đã rà soát hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết. Ban Kinh tế - ngân sách giải trình ý kiến tiếp thu như sau:

Stt	Đơn vị/cá nhân góp ý	Văn bản góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
1	Sở Tài chính	Công văn số 2524/STC-HCSN ngày 4/11/2021	<b>I. Đối với dự thảo Nghị quyết</b> 1. Tại phần căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết, dự thảo nên xem xét các nội dung sau: - Bỏ căn cứ "Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Quốc hội", vì Hội đồng nhân dân không thuộc phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13. - Thay thế căn cứ "Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước". <i>Bổ sung các Nghị quyết: "Căn cứ Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành quy định mức chi công tác phí, mức chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan Nhà</i>	- Tiếp thu  - Ban KTNS đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì

	<p><i>nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và Nghị quyết số 29/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về sửa đổi bổ sung ...".</i></p> <p>2. Tại Điều 1, dự thảo cần bỏ cụm từ “và các điều kiện” để thống nhất với tên của dự thảo Nghị quyết.</p> <p>3. Tại Điều 3, dự thảo cần bổ sung quy định “<i>Nghị quyết số 16/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 07 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số chế độ, định mức chi bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2016-2021 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành</i>”.</p>	<p>Nghị quyết là văn bản quy phạm pháp luật, chỉ văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên mới là căn cứ để ban hành.</p> <p>- Tiếp thu - Tiếp thu</p>
	<p><b>II. Những đóng góp chung về dự thảo Nghị quyết và Quy định kèm theo</b></p> <p>1. Nội dung: Thực hiện các văn bản, chỉ thị của TW yêu cầu việc xây dựng dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước giai đoạn 2022 - 2025 theo nguyên tắc giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, rà soát bãi bỏ nội dung liên quan đến chế độ chi bồi dưỡng, các khoản chi ngoài lương. Cụ thể tại các văn bản sau:</p> <p>Tại Khoản 1 Mục III Chỉ thị số 21/CT-TTg yêu cầu các Bộ, ngành: "Rà soát các văn bản do Bộ, cơ quan Trung ương ban hành, trình cấp có thẩm quyền sửa đổi hoặc sửa đổi theo thẩm quyền để bãi bỏ nội dung liên quan đến chế độ chi bồi dưỡng, các khoản chi ngoài lương của cán bộ, công chức, viên chức có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước (như: tiền bồi dưỡng hợp, tiền bồi dưỡng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án, hội thảo....)"</p> <p>Tại Khoản 2 Điều 3 Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg quy định nguyên tắc, tiêu chí phân bổ định mức chi thường xuyên nêu: "Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước năm 2022, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm giai đoạn 2022 - 2024, kế hoạch tài chính quốc gia 05 năm giai đoạn 2021 - 2025... Thúc đẩy từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, phân đầu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, góp phần cơ cấu ngân sách nhà nước, ..."</p>	<p>Ban KTNS đề nghị giữ nguyên như dự thảo, lý do:(1) Nghị quyết được xây dựng đảm bảo phù hợp với quy định của Luật ngân sách nhà nước; Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các văn bản khác có liên quan; đồng thời xem xét, vận dụng những nội</p>

		<p>Các nội dung chi và mức chi đưa ra, cần tính toán để đảm bảo phù hợp với nguồn lực ngân sách địa phương, đảm bảo tính khả thi, dễ vận dụng trong quá trình thực hiện Nghị quyết ở tất cả các cấp ngân sách và tương đồng với các địa phương có tương quan về tình hình phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với định hướng giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên của Trung ương.</p> <p>Trong giai đoạn 2017 - 2021 khả năng ngân sách không thể đáp ứng được toàn bộ các quy định chế độ theo Nghị quyết số 16/2017/NQ-HĐND tỉnh, rất khó khăn trong quá trình thực hiện ở cả ba cấp ngân sách. Theo dự thảo sẽ rất khó xác định khái toán kinh phí thực hiện Nghị quyết, dẫn đến không xác định được nguồn lực phải bố trí.</p> <p>Do vậy đề nghị xem xét lại các nội dung chi và định mức chi, xây dựng lược bỏ bớt một số nội dung chi, chỉ quy định các nội dung chi hỗ trợ đối với nhiệm vụ đặc thù nhất của HĐND và chỉ tính hỗ trợ các cuộc họp có liên quan trực tiếp đến kỳ họp HĐND. Tính tăng định mức chi theo tỷ lệ tăng tương ứng mức lương tiền lương cơ sở tại thời điểm 2017 và hiện nay, do định mức chi tại dự thảo khá cao, có định mức tăng 3 lần so với định mức giai đoạn trước.</p>	<p>dung phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 524/2012/NQ-UBTVQH13 ngày 20/9/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nội dung chi, mức chi có tham khảo với một số tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng với tỉnh Cao Bằng; đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách địa phương.</p> <p>Để phù hợp với các văn bản, chỉ thị của Trung ương yêu cầu việc xây dựng dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước giai đoạn 2022 – 2025 Ban KTNS xây dựng Nghị quyết đã có quy định tại “<b>Điều 12</b>” Khi có quy định mới của Trung ương, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm rà soát các nội dung chi, định mức chi tại Quy định này để xem xét</p>
--	--	--	--

			<p>trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp”./. </p> <p>Ban đã rà các nội dung chi là đặc thù của HĐND để đưa vào NQ. Đối với mức chi Sở Tài chính có ý là cao, cao tăng 3 lần so với quy định của giai đoạn trước, tuy nhiên nó lại chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong tổng số chi ngân sách của đơn vị, khi xây dựng dự thảo Ban đã tham khảo với một số tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng với tỉnh Cao Bằng; đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách địa phương và dự kiến kinh phí phân bổ cho hoạt động của HĐND trong giai đoạn 2022- 2025.</p>
		<p><b>III. Về bố cục Chương II, dự thảo Quy định</b></p> <p>Các nội dung và bố cục Chương II Những quy định cụ thể:</p> <p><b><u>"Điều 4. Chi kỳ họp Hội đồng nhân dân</u></b></p>	<p>Ban đề nghị giữ như dự</p>

		<p><b>1. Hỗ trợ tiền ăn</b></p> <p>Đại biểu Hội đồng nhân dân và thành phần tham dự kỳ họp được chi được chi tiền ăn; mức chi bằng mức chi tiền ăn của đại biểu không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo quy định tại Nghị quyết số 29/2019/NQ-HĐND ngày 09/9/2019 của HĐND tỉnh Cao Bằng về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức chi công tác phí, mức chi tổ chức hội nghị đối với cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí Ngân sách Nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.</p>	<p>thảo gửi xin ý kiến các đơn vị và có bổ sung nội dung: “Mức tiền ăn bữa tổng kết kỳ họp: Bằng mức tiền ăn tiếp khách theo quy định hiện hành của tỉnh Cao Bằng”.</p>
		<p><b>2. Hỗ trợ chế độ nghỉ</b></p> <p>Đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu mời khi tham dự kỳ họp được bố trí chỗ nghỉ theo quy định tại Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Cao Bằng ban hành quy định mức chi công tác phí, mức chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và Nghị quyết số 29/2019/NQ-HĐND (Đại biểu không nghỉ tại địa điểm được bố trí thì không được thanh toán).</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của Sở Tài chính, Ban đã dự thảo lại như sau:</p> <p>“Đại biểu khách mời, đại biểu Hội đồng nhân dân dự Kỳ họp được bố trí phòng nghỉ theo quy định hiện hành.</p> <p><i>(Đại biểu không nghỉ tại địa điểm được bố trí thì không được thanh toán)”</i>.</p>
		<p><b>3. Chi bồi dưỡng kỳ họp</b></p> <p>Đề nghị điều chỉnh giảm định mức chi trong dự thảo.</p>	<p>Ban KTNS tiếp thu giảm bồi dưỡng chủ tọa từ 500.000 đồng/ngày xuống 400.000 đồng/ngày (giảm tương ứng với cấp huyện và xã)</p>
		<p><b>4. Chi bồi dưỡng họp thẩm tra của các Ban HĐND</b></p>	<p>Sở Tài chính có nhiệm</p>

			<i>Đơn vị tính: đồng/người/kỳ họp</i>				lần. Ban KTNS không tiếp thu
			Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
			- Chủ trì cuộc họp	800.000	600.000	400.000	
			- Thành viên dự họp	600.000	450.000	300.000	
			- Người phục vụ	400.000	250.000	200.000	
			<b>5. Họp báo của Hội đồng nhân dân tỉnh</b> - Người chủ trì: 150.000 đồng/người/cuộc. - Đại biểu tham dự, phóng viên báo, đài, người trực tiếp phục vụ: 100.000 đồng/người/cuộc. Ý kiến của Ban KTNS: Ban KTNS tiếp thu				Tiếp thu
			<b>6. Chi soạn thảo báo cáo kết quả thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân.</b> Đề nghị tính định mức chi cho báo cáo thẩm tra của các Ban, không tính theo văn bản được thẩm tra. Do số lượng văn bản được thẩm tra khá lớn.				Ban đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: việc quy định đơn vị tính “đồng/1 văn bản được thẩm tra” để đảm bảo phù hợp với Điều 125 Luật ban hành VB QPPL và khoản 3 điều 59 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND, Trong quá trình dự thảo Ban đã xem xét đến tình hình thực tiễn, khả năng ngân sách và sự tương đồng với các tỉnh lân cận.
			<b>7. Kỳ họp chuyên đề:</b> Chi bồi dưỡng họp, soạn thảo báo cáo kết quả thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tính bằng 50% mức chi kỳ họp thường kỳ.				Ban đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: bồi



				<p>dưỡng họp và soạn thảo báo cáo kết quả thẩm tra của các Ban HĐND đã được tính trên đơn vị ngày diễn ra kỳ họp và số lượng văn bản được thẩm tra.</p>																				
			<p><b>Điều 5. Hội nghị giao ban giữa Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh với Hội đồng nhân dân các cấp</b></p> <p>Chi hỗ trợ tiền ăn, chi giải khát giữa giờ, chế độ phòng nghỉ: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND và Nghị quyết số 29/2019/NQ-HĐND.</p>	<p>Ban đề nghị Chi hỗ trợ tiền ăn, chi giải khát giữa giờ, chế độ phòng nghỉ được thực hiện như đối với kỳ họp HĐND</p>																				
			<p><b>Điều 6. Chi hoạt động giám sát, khảo sát</b></p> <p><i>(Không quy định đi giám sát trong ngày nghỉ, ngày Lễ mức chi bằng 200% mức chi quy định)</i></p> <p>1. Trong thời gian thực hiện giám sát thì ngoài chế độ công tác phí theo quy định, chế độ chi đối với các đoàn giám sát như sau:</p> <p><i>Đơn vị tính: đồng/người/buổi</i></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Nội dung</th> <th>Cấp tỉnh</th> <th>Cấp huyện</th> <th>Cấp xã</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>- Trưởng đoàn</td> <td>200.000</td> <td>140.000</td> <td>100.000</td> </tr> <tr> <td>- Phó trưởng đoàn</td> <td>150.000</td> <td>100.000</td> <td>80.000</td> </tr> <tr> <td>- Thành viên</td> <td>100.000</td> <td>70.000</td> <td>50.000</td> </tr> <tr> <td>- Phục vụ</td> <td>80.000</td> <td>60.000</td> <td>40.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tham gia hoạt động giám sát: Hội đồng nhân dân cấp nào tổ chức thì Hội đồng nhân dân cấp đó có trách nhiệm thanh toán công tác phí.</p> <p>2. Chi hoạt động khảo sát: Tính bằng 50% mức chi cho hoạt động giám sát.</p>	Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	- Trưởng đoàn	200.000	140.000	100.000	- Phó trưởng đoàn	150.000	100.000	80.000	- Thành viên	100.000	70.000	50.000	- Phục vụ	80.000	60.000	40.000	<p>- Nội dung: “quy định đi giám sát trong ngày nghỉ, ngày Lễ mức chi bằng 200% mức chi quy định”. Ban tiếp thu</p> <p>- Nội dung: chế độ chi đối với các đoàn giám sát. Tiếp thu</p> <p>- Nội dung: “Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tham gia hoạt động giám sát: Hội đồng nhân dân cấp nào tổ chức thì Hội đồng nhân dân cấp đó có trách nhiệm thanh toán công tác phí”. Tiếp</p>
Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã																					
- Trưởng đoàn	200.000	140.000	100.000																					
- Phó trưởng đoàn	150.000	100.000	80.000																					
- Thành viên	100.000	70.000	50.000																					
- Phục vụ	80.000	60.000	40.000																					

				<p>thu và quy định lại tài điều 7 của dự thảo Nghị quyết</p> <p>- Nội dung Chi hoạt động khảo sát: Tính bằng 50% mức chi cho hoạt động giám sát. Ban đề nghị giữ nguyên. Lý do: hoạt động khảo sát và giám sát đều xem xét việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, chính sách pháp luật, cung thực hiện các nội dung công việc và quy trình giống nhau. Hoạt động khảo sát và giám sát chỉ khác nhau ở quy mô, số lượng thành viên tham gia đoàn.</p>
			<p><b>Điều 7. Chi hỗ trợ tiếp xúc cử tri</b></p> <p>1. Hỗ trợ điểm tiếp xúc cử tri (bao gồm: Trang trí khánh tiết, âm thanh, nước uống, phục vụ và một số khoản chi khác)</p> <p><i>Đề nghị điều chỉnh giảm định mức chi trong dự thảo. Trong đó, mức hỗ trợ đối với hội nghị trực tuyến thấp hơn hội nghị tập trung do phát sinh chi phí ít hơn.</i></p> <p>2. Hỗ trợ tiếp xúc cử tri của Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp</p> <p><i>Đề nghị điều chỉnh giảm định mức chi trong dự thảo.</i></p>	<p>- Tiếp thu. Cụ thể như sau:</p> <p>1. Hỗ trợ cho mỗi điểm tiếp xúc cử tri theo kế hoạch (bao gồm: Trang trí khánh tiết, âm thanh, nước uống và một số khoản chi khác):</p>

				<p>- Đối với Hội nghị tập trung mức chi tối đa cho 1 điểm tiếp xúc cử tri như sau: cấp tỉnh 3.000.000 đồng; cấp huyện 2.100.000 đồng; cấp xã 1.500.000 đồng.</p> <p>- Đối với Hội nghị trực tuyến: Theo thực tế phát sinh.</p> <p>2. Hỗ trợ tiếp xúc cử tri của Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Ban đề nghị giữ nguyên như dự thảo.</p>
			<p><b>Điều 8. Một số chế độ chi khác đảm bảo hoạt động của HĐND</b></p> <p>1. Chi hỗ trợ tuyên truyền</p> <p>2. Chế độ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ</p> <p>Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp không thuộc đối tượng đang thực hiện chăm sóc, bồi dưỡng sức khỏe theo quy định tại Quyết định số 335-QĐ/TU ngày 14/7/2021 của Tỉnh ủy Cao Bằng về một số chế độ chăm sóc, bồi dưỡng sức khỏe, thăm ốm, viếng và tổ chức lễ tang khi từ trần đối với cán bộ của tỉnh đang công tác hoặc đã nghỉ hưu được hưởng chế độ khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm, mức chi theo đơn giá thực tế; được cấp phát thuốc theo tình trạng bệnh lý.</p> <p>3. Chi thăm hỏi, ốm đau, điều trị tại bệnh viện; bị bệnh hiểm nghèo và chi phúng viếng đối với đại biểu HĐND đương nhiệm."</p> <p>4. Mỗi nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân, đại biểu HĐND được hỗ trợ may lễ phục, mức chi 5.000.000 đồng/đại biểu/nhiệm kỳ đối với cấp tỉnh; 3.500.000 đồng/đại biểu/nhiệm kỳ đối với cấp huyện; 2.500.000 đồng/đại biểu/nhiệm kỳ đối với cấp xã.</p>	<p>- Nội dung Chi hỗ trợ tuyên truyền. Tiếp thu</p> <p>- Nội dung:</p> <p>+ Chế độ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ. Đề nghị giữ nguyên</p> <p>+ Nội dung: Chi thăm hỏi, ốm đau, điều trị tại bệnh viện. Tiếp thu</p> <p>+ Hỗ trợ may lễ phục. Đề nghị giữ nguyên dự thảo. Đề nghị được hỗ</p>

		<p>5. Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu theo quy định.</p> <p>6. Các hoạt động nghiên cứu, trao đổi, học tập kinh nghiệm do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định trên cơ sở dự toán được giao hàng năm.</p>	<p>trợ may 02 bộ, trong đó 1 bộ mùa đông, 1 bộ mùa hè.</p> <p>- Nội dung: Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu theo quy định. Tiếp thu</p> <p>- Nội dung: Các hoạt động nghiên cứu, trao đổi, học tập kinh nghiệm do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định trên cơ sở dự toán được giao hàng năm. Tiếp thu</p>
		<p><b>IV. Một số nội dung khác đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét</b></p> <p><b>1. Tại Khoản 2 Điều 3 Chương I. Quy định chung:</b></p> <p>Đề nghị chỉnh sửa như sau: “Việc chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND các cấp phải có trong dự toán được giao, đảm bảo đúng đối tượng được hưởng, định mức quy định theo Nghị quyết này.</p> <p>Nguồn kinh phí chi đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp được bố trí theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước. Hàng năm Thường trực HĐND lập dự toán ngân sách trình HĐND của cấp quyết định phù hợp với định mức thời kỳ ổn định ngân sách”.</p>	<p>- Tiếp thu</p>
		<p><b>2. Các nội dung là công việc chuyên môn thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân, đề nghị cơ quan soạn thảo lược bỏ, xây dựng trong quy chế chi tiêu nội bộ và chi từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên theo định mức, cụ thể như:</b></p>	<p>- Các nội dung đề nghị giữ nội dung chi tuy nhiên có</p>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi nghiên cứu tài liệu trước khi thẩm tra của các thành viên các ban Hội đồng nhân dân.</li> <li>- Khoán chi nghiên cứu các tài liệu, báo cáo, đề án, hồ sơ dự thảo nghị quyết trình kỳ họp thường kỳ Hội đồng nhân dân.</li> <li>- Chi xây dựng báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết và các văn bản phục vụ kỳ họp.</li> <li>- Chi cho việc rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện Nghị quyết sau khi thông qua.</li> <li>- Chế độ làm ngoài giờ.</li> <li>- Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia các dự án luật, pháp lệnh và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật khác theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành.</li> <li>- Chi tham vấn ý kiến nhân dân (<i>chỉ thực hiện đối với cấp tỉnh</i>).</li> <li>- Chi tổ chức hội nghị giao ban giữa Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh với Hội đồng nhân dân các cấp.</li> <li>- Chi xây dựng văn bản giám sát, khảo sát.</li> <li>- Soạn thảo kế hoạch, đề cương; tiếp xúc cử tri.</li> <li>- Chi xây dựng báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri theo tổ đại biểu HĐND.</li> <li>- Đại biểu HĐND các cấp tham gia tiếp xúc cử tri.</li> <li>- Chi tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo.</li> <li>- Chi công tác xây dựng và ban hành văn bản.</li> <li>- Chi trang bị máy tính xách tay hoặc máy tính bảng, cặp công tác. <i>Lý do: Thực hiện mua sắm theo phát sinh thực tế.</i></li> <li>- Chi mua báo đại biểu nhân dân. <i>Lý do: Nội dung này không phù hợp với tình hình hiện nay.</i></li> <li>- Khoán phí khai thác internet tìm kiếm, tra cứu thông tin với mức chi: 200.000 đồng/người/tháng đối với cấp tỉnh; 200.000 đồng/người/tháng đối với cấp huyện; 100.000 đồng/người/tháng đối với cấp xã.</li> </ul>	<p><b>điều chỉnh lại mức chi và đối tượng được hưởng, bao gồm:</b></p> <p><i>“- Chi nghiên cứu tài liệu trước khi thẩm tra của các thành viên các ban Hội đồng nhân dân.</i></p> <p><i>- Khoán chi nghiên cứu các tài liệu, báo cáo, đề án, hồ sơ dự thảo nghị quyết trình kỳ họp thường kỳ Hội đồng nhân dân.</i></p> <p><i>- Chi xây dựng báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết và các văn bản phục vụ kỳ họp.</i></p> <p><i>- Chi cho việc rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện Nghị quyết sau khi thông qua.</i></p> <p><i>- Chế độ làm ngoài giờ.</i></p> <p><i>- Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia các dự án luật, pháp lệnh và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật khác theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành.</i></p>
--	--	--	---

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi hỗ trợ nghiên cứu tài liệu đối với các đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách, bộ phận văn phòng trực tiếp tham mưu về chuyên môn cho hoạt động của HĐND.</li> <li>- Phụ cấp của đại biểu Hội đồng nhân dân.</li> <li>- Các mức chi thăm hỏi, trợ cấp đối với cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện như đại biểu HĐND tỉnh.</li> <li>- Chế độ tặng quà đối với các đối tượng chính sách - xã hội.</li> <li>- Chế độ tặng quà lưu niệm.</li> <li>- Hỗ trợ hoạt động các tổ chức hội, đoàn thể thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức các hoạt động hưởng ứng các phong trào thi đua, các cuộc vận động (mức hỗ trợ do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định).</li> <li>- Chi mua đặc sản của các địa phương trên địa bàn tỉnh làm quà tặng và để quảng bá sản phẩm: số lượng do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi tham vấn ý kiến nhân dân (chỉ thực hiện đối với cấp tỉnh).</li> <li>- Chi tổ chức hội nghị giao ban giữa Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh với Hội đồng nhân dân các cấp.</li> <li>- Chi xây dựng văn bản giám sát, khảo sát.</li> <li>- Soạn thảo kế hoạch, đề cương; tiếp xúc cử tri.</li> <li>- Chi xây dựng báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri theo tổ đại biểu HĐND.</li> <li>- Đại biểu HĐND các cấp tham gia tiếp xúc cử tri.</li> <li>- Chi tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo.</li> <li>- Chi công tác xây dựng và ban hành văn bản.</li> <li>- Chi trang bị máy tính xách tay hoặc máy tính bảng, cặp công tác. Lý do: Thực hiện mua sắm theo phát sinh thực tế.</li> <li>- Chi mua báo đại biểu nhân dân. Lý do: Nội dung</li> </ul>
--	--	--	--

			<p>này không phù hợp với tình hình hiện nay.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản phí khai thác internet tìm kiếm, tra cứu thông tin với mức chi: 200.000 đồng/người/tháng đối với cấp tỉnh; 200.000 đồng/người/tháng đối với cấp huyện; 100.000 đồng/người/tháng đối với</li> <li>- Phụ cấp của đại biểu Hội đồng nhân dân.</li> <li>- Các mức chi thăm hỏi, trợ cấp đối với cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện như đại biểu HĐND tỉnh.</li> <li>- Chế độ tặng quà đối với các đối tượng chính sách - xã hội.</li> <li>- Khoản phí khai thác internet tìm kiếm, tra cứu thông tin với mức chi: 200.000 đồng/người/tháng đối với cấp tỉnh; 200.000 đồng/người/tháng đối với cấp huyện; 100.000 đồng/người/tháng đối với</li> </ul>
--	--	--	---

				<p><i>cấp xã.</i></p> <p>- Chế độ tặng quà lưu niệm”</p> <p><b>Lý do:</b> các hoạt động trên là hoạt động về chuyên môn đặc thù của HĐND, đặc điểm là công việc dồn vào thời điểm trước. Do trong và ngay sau kỳ họp của HĐND là rất lớn. Hiện nay trong dự kiến định mức phân bổ ngân sách giai đoạn 2022- 2025 đã dự kiến nguồn kinh phí để thực hiện nhiệm vụ chi cho hoạt động đặc thù của HĐND và Đoàn ĐBQH tỉnh 10 tỷ/năm. Để nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND thì cần chú trọng chi cho công tác chuyên môn, mặt khác, các định mức chi trên sẽ chiếm tỷ lệ nhỏ so với tổng dự toán 10 tỷ đồng cho hoạt động HĐND, QH. Việc xây dựng nội dung chi, mức chi này đã có sự tham khảo với các tỉnh khác.</p>
--	--	--	--	---



				<p><b>- Các nội dung tiếp thu dự thảo:</b></p> <p><i>“- Hỗ trợ hoạt động các tổ chức hội, đoàn thể thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức các hoạt động hưởng ứng các phong trào thi đua, các cuộc vận động (mức hỗ trợ do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định).</i></p> <p><i>- Chi mua đặc sản của các địa phương trên địa bàn tỉnh làm quà tặng và để quảng bá sản phẩm: số lượng do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.</i></p> <p><i>- Chi tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo.</i></p> <p><i>- Chi mua báo đại biểu nhân dân. Lý do: Nội dung này không phù hợp với tình hình hiện nay.</i></p> <p><i>- Chi hỗ trợ nghiên cứu tài liệu đối với các đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách, bộ phận</i></p>
--	--	--	--	---

			<i>văn phòng trực tiếp tham mưu về chuyên môn cho hoạt động của HĐND.</i>
		<p><b>3. Đề nghị bỏ nội dung chi tiền trợ cấp lễ tết, ăn trưa cho cán bộ, công chức, người lao động ... (Tại Khoản 9, Điều 9)</b> vì Văn phòng Đoàn đại biểu quốc hội, HĐND tỉnh là cơ quan quản lý nhà nước, các chế độ về tiền lương, tiền thưởng theo chế độ đã được ngân sách nhà nước đảm bảo gắn với nhiệm vụ chuyên môn và không có quy định về ăn trưa, trợ cấp ngày lễ tết.</p>	Tiếp thu
		<p><b>4. Đề nghị bỏ Phụ cấp của đại biểu Hội đồng nhân dân (Tại Điều 10 dự thảo).</b> Lý do:</p> <p>+ Phụ cấp kiêm nhiệm Chủ tịch Hội đồng nhân dân kiêm nhiệm đã được quy định tại Thông tư số 78/2005/TT-BNV ngày 10/8/2005 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan, đơn vị khác.</p> <p>+ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân đã quy định Đại biểu Hội đồng nhân dân (bao gồm cả đại biểu hoạt động chuyên trách và hoạt động không chuyên trách) được hưởng hoạt động phí hàng tháng (cấp tỉnh: Hệ số 0,5 mức lương cơ sở; cấp huyện: Hệ số 0,4 mức lương cơ sở; cấp xã: Hệ số 0,3 mức lương cơ sở), không quy định các nội dung chi tại khoản 5, khoản 6 Điều 10. Trường hợp vẫn xây dựng mức chi phụ cấp, đề nghị cơ quan soạn thảo nêu rõ căn cứ pháp lý để quy định.</p>	- Ban Kinh tế- ngân sách đã tiếp thu chỉnh sửa, thành "Chi hỗ trợ Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách" và "Chi hỗ trợ đối với các chức vụ kiêm nhiệm của HĐND"
		<p><b>5. Tại Điều 11, dự thảo quy định các chế độ khác phục vụ hoạt động của HĐND:</b> Đề nghị chi quy định hỗ trợ thăm hỏi ốm đau (nằm viện) hoặc điều trị dài ngày, trường hợp bị bệnh hiểm nghèo và chi phúng viếng đối với đại biểu đương nhiệm HĐND, các nội dung khác xây dựng trong quy chế chi tiêu nội bộ và chi tại nguồn kinh phí thực hiện tự chủ để thực hiện.</p>	- Tiếp thu: Ban KTNS đã bỏ "2. Đối với thân nhân là bố mẹ đẻ, bố mẹ vợ hoặc chồng, vợ hoặc chồng; con của đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm" ra khỏi dự thảo nghị quyết
		<p><b>6. Tại Điều 12, dự thảo quy định:</b> "Căn cứ vào các chế độ, định mức chi tiêu tài chính hiện hành của nhà nước và các chế độ, định mức chi tại Quy định này, Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp tổ chức thực hiện để đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp đạt hiệu quả, thiết</p>	- Tiếp thu

			<p>thực."</p> <p><b>Đề nghị sửa lại như sau:</b> "Mức chi tại Quy định này là mức chi tối đa, Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định mức chi cho phù hợp, trong khả năng cân đối ngân sách cấp mình".</p>	
2	Sở Tư Pháp	Công văn số 1120/STP-NV1 ngày 01/11/2021	<p><b>1. Về việc lấy ý kiến đối với dự thảo nghị quyết</b></p> <p>Theo quy định tại Điều 120 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015: "Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan"; điều 25 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm: "Gửi hồ sơ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp để lấy ý kiến".</p> <p>Căn cứ các quy định trên, cơ quan soạn thảo cần gửi dự thảo lấy ý kiến các cơ quan có liên quan như Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính và gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng để lấy ý kiến, thực hiện phản biện xã hội.</p> <p><b>2. Về nội dung dự thảo</b></p> <p>a) Đối với dự thảo Nghị quyết</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại phần căn cứ pháp lý, dự thảo nên xem xét bỏ căn cứ là "Nghị quyết 524/2012/UBTVQH13 ngày 20 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Quốc hội", vì Hội đồng nhân dân không thuộc phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Nghị quyết số 524/2012.</li> <li>- Tại Điều 1, dự thảo cần bỏ cụm từ "và các điều kiện" để thống nhất với tên của dự thảo Nghị quyết.</li> <li>- Tại Điều 3, dự thảo cần bổ sung quy định "<i>Nghị quyết số 16/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 07 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số chế độ, định mức chi bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2016 - 2021 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành</i>".</li> </ul> <p>b) Đối với dự thảo Quy định</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại Điều 4</li> </ul>	<p>- Ban KTNS HĐND tỉnh đã gửi dự thảo Nghị quyết để lấy ý kiến các cơ quan Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng.</p> <p>- Tiếp thu</p> <p>- Tiếp thu</p>

	<p>+ Tại điểm a khoản 1, dự thảo quy định nội dung, mức chi “soạn thảo báo cáo thẩm tra”, đơn vị tính là “<b>đồng/1 văn bản được thẩm tra</b>”, tuy nhiên, trên thực tế khi thực hiện thẩm tra số lượng văn bản được thẩm tra khá lớn, nếu tính trên đơn vị “văn bản được thẩm tra” là chưa phù hợp; do đó, dự thảo cần quy định đơn vị tính là “<i>đồng/1 báo cáo thẩm tra</i>”.</p> <p>+ Tại điểm c khoản 1, dự thảo quy định chi nghiên cứu các tài liệu trước khi thẩm tra của các thành viên các ban HĐND. Tuy nhiên, việc quy định mức chi cần xem xét cho phù hợp với thực tiễn, khả năng ngân sách và cần có sự thống nhất về định mức chi giữa các thành viên.</p> <p>+ Tại điểm d và điểm đ khoản 1, dự thảo quy định khoản chi nghiên cứu các tài liệu, báo cáo, đề án, hồ sơ dự thảo nghị quyết trình kỳ họp thường kỳ HĐND và chi xây dựng báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết và các văn bản phục vụ kỳ họp. Tuy nhiên, Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016 quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu HĐND không quy định các nội dung chi này. Đối với việc xây dựng nghị quyết là văn bản quy phạm pháp luật đã có quy định tại Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh quy định định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ căn cứ pháp lý để quy định nội dung chi, mức chi đối với nghiên cứu các tài liệu, báo cáo, đề án, hồ sơ dự thảo nghị quyết trình kỳ họp thường kỳ HĐND và chi xây dựng báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết và các văn bản phục vụ kỳ họp.</p> <p>Mặt khác, việc nghiên cứu các tài liệu, báo cáo, đề án, hồ sơ dự thảo nghị quyết trình kỳ họp thường kỳ HĐND và xây dựng báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết và các văn bản phục vụ kỳ họp là công việc chuyên môn thực hiện nhiệm vụ của HĐND tỉnh. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, quy định để đảm bảo phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, đảm bảo đồng bộ, thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh cũng như đảm bảo hợp lý trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động chuyên môn giữa các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh.</p> <p>+ Tại điểm e khoản 1, dự thảo quy định chi cho việc rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện Nghị quyết sau khi thông qua. Thực tế cho thấy, việc rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện Nghị quyết sau khi thông qua còn có sự tham gia của các cơ quan liên quan, do đó, đề nghị dự thảo quy định cụ thể, rõ ràng đối tượng nào được chi rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện Nghị quyết sau khi thông qua.</p> <p>+ Tại điểm h, điểm i khoản 1, dự thảo quy định về việc chi tiền ăn, phòng nghỉ, vé xe. Tuy nhiên, các quy định về chi tiền ăn, phòng nghỉ, tiền xe đã được quy định tại Nghị quyết số 28/217/NQ-</p>	<p>Tiếp thu</p> <p>- Giữ nguyên như dự thảo. Lý do việc quy định đơn vị tính “<b>đồng/1 văn bản được thẩm tra</b>” để đảm bảo phù hợp với <b>Điều 125</b> Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và <b>khoản 3 điều 59</b> Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.</p> <p>- Giữ nguyên như dự thảo. Lý do: Trong quá trình dự thảo Ban đã xem xét đến tình hình thực tiễn, khả năng ngân sách và cần có sự thống nhất về định mức chi giữa các thành viên.</p> <p>- Ban KTNS đã có sự tiếp thu điều chỉnh đối tượng được chi và mức chi.</p> <p>Căn cứ pháp lý để quy</p>
--	--	---

	<p>HĐND và Nghị quyết số 29/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p> <p>+ Tại điểm k khoản 1, đề nghị dự thảo thay cụm từ “<i>Chế độ làm ngoài giờ</i>” bằng cụm từ “<i>Chế độ làm thêm giờ</i>” để phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.</p> <p>+ Tại điểm l khoản 1, dự thảo quy định hỗ trợ tuyên truyền cho truyền hình mức 15.000.000 đồng/kỳ họp, Báo Bàng đưa tin mức: 3.000.000 đồng/kỳ họp. Tuy nhiên, mức hỗ trợ này giữ nguyên so với mức hỗ trợ tại Nghị quyết số 16/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của HĐND tỉnh, trong khi các mức chi khác trong dự thảo Nghị quyết cơ bản đều tăng so với quy định về mức chi trước đây. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, nghiên cứu quy định cho phù hợp, đảm bảo tương quan, cân đối giữa các nội dung chi và mức chi.</p> <p>+ Tại điểm a khoản 2, dự thảo quy định về việc chi bồi dưỡng họp Đảng đoàn Hội đồng nhân dân”, tuy nhiên, việc chi cho các hoạt động của Đảng được thực hiện theo các quy định của Đảng. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nên xem xét quy định cho phù hợp.</p> <p>+ Tại b khoản 2, dự thảo quy định nội dung chi, mức chi báo cáo tổng hợp các ý kiến tham gia các dự án luật, pháp lệnh...; tuy nhiên đề nghị cơ quan soạn thảo cần làm rõ đối tượng được chi nội dung này, vì trên thực tế, khi thực hiện tham gia góp ý kiến các dự án luật, pháp lệnh... có sự tham gia, nghiên cứu góp ý của các cơ quan chuyên môn có liên quan mà các cơ quan đó khi tham gia góp ý kiến thì không có quy định chi cho việc tham gia góp ý này.</p> <p>Đồng thời, xem xét lại quy định “<i>Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tham gia họp các Ban của Hội đồng nhân dân...</i>”, vì quy định như vậy là chưa rõ ràng, mặt khác, quy định về chế độ phòng nghỉ, tiền ăn đã có quy định tại Nghị quyết số 28/2017 và Nghị quyết số 29/2019 (như đã nêu trên).</p> <p>+ Tại khoản điểm a, điểm b khoản 3 đề nghị xem xét quy định lại cho phù hợp vì quy định về chế độ phòng nghỉ, tiền ăn đã có quy định tại Nghị quyết số 28/2017 và Nghị quyết số 29/2019 (như đã nêu trên).</p> <p>- Tại khoản 1 Điều 5 dự thảo quy định cho riêng từng nội dung là chưa phù hợp, mức chi còn cao; mặt khác, việc thực hiện khảo sát, giám sát là nhiệm vụ thường xuyên của HĐND. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nên xem xét quy định cho phù hợp.</p> <p>- Tại Điều 6</p> <p>+ Tên của Điều chỉnh sửa như sau “<i>Chi hỗ trợ tiếp xúc cử tri</i>”.</p> <p>+ Tại khoản 1 dự thảo nên quy định mức chi cụ thể để thống nhất với các quy định khác trong dự thảo và thuận lợi trong quá trình áp dụng.</p>	<p>định nội dung chi, mức chi đối với nghiên cứu các tài liệu, báo cáo, đề án, hồ sơ dự thảo nghị quyết trình kỳ họp thường kỳ HĐND và chi xây dựng báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết và các văn bản phục vụ kỳ họp là Điểm h, khoản 9, Điều 30 Luật Ngân sách Nhà nước quy định: “<i>HĐND cấp tỉnh Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương</i>”.</p> <p>- Việc rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện Nghị quyết sau khi thông qua: sau khi kỳ họp thông qua</p>
--	---	---

	<p>+ Tại khoản 2, nên quy định mức chi là: 80.000 đồng.</p> <p>+ Tại khoản 3 chưa quy định rõ mức chi cho từng cấp, do đó, đề nghị xem xét quy định cho phù hợp.</p> <p>+ Dự thảo nên xem xét bỏ quy định tại khoản 5, vì trùng lặp và đã có quy định (như đã nêu trên).</p> <p>+ Tại khoản 6, dự thảo quy định về khoản kinh phí tiếp xúc cử tri, tuy nhiên đại biểu HĐND khi thực hiện tiếp xúc cử tri đã được thanh toán chế độ công tác phí theo quy định; việc thực hiện tiếp xúc cử tri là một trong những nhiệm vụ, hoạt động thường xuyên của đại biểu. Do đó, việc quy định khoản chi kinh phí như dự thảo là chưa phù hợp.</p> <p>- Tại Điều 8, dự thảo quy định chi công tác xây dựng và ban hành văn bản, bao gồm chi xây dựng chương trình, kế hoạch công tác, báo cáo của Đảng đoàn Hội đồng nhân dân; chi xây dựng thông báo kết luận của Thường trực HĐND tỉnh về nội dung cuộc họp, văn bản của Thường trực HĐND tỉnh giải quyết nội dung UBND tỉnh phát sinh giữa hai kỳ họp HĐND tỉnh; chi soạn thảo báo cáo thẩm tra, tham mưu, đề xuất giải quyết nội dung UBND tỉnh phát sinh giữa hai kỳ họp HĐND tỉnh. Tuy nhiên, Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân không quy định các nội dung chi này. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ căn cứ pháp lý để quy định các nội dung chi này.</p> <p>- Tại Điều 9, dự thảo quy định về việc chi các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân là cần thiết, tuy nhiên, đề nghị cơ quan soạn thảo cần xem xét một số nội dung chi, mức chi chưa phù hợp như:</p> <p>+ Tại khoản 4 dự thảo quy định về khoản phí khai tác internet, tra cứu thông tin, tuy nhiên, hiện nay các cơ quan nhà nước đều có sử dụng dịch vụ internet. Do đó, không cần thiết quy định nội dung, mức chi này. Đồng thời, nên xem xét bỏ quy định về chi hỗ trợ nghiên cứu tài liệu, vì đây là nhiệm vụ, công việc thường xuyên của đại biểu và bộ phận văn phòng trực tiếp tham mưu cũng như để tương quan, công bằng giữa các cơ quan nhà nước khác.</p> <p>+ Tại khoản 6, khoản 7 dự thảo quy định mức chi đối với cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp phục vụ các hoạt động của Hội đồng là không phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết. Nội dung này nên xem xét quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.</p> <p>- Tại Điều 11, dự thảo quy định cụ thể các chế độ khác phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân, bao gồm chi thăm hỏi, trợ cấp ốm đau, tang lễ; chế độ tặng quà; thăm hỏi, chúc Tết, phúng viếng; xây dựng phóng sự tổng kết nhiệm kỳ; kỷ yếu nhiệm kỳ; chi mua đặc sản các địa phương làm quà</p>	<p>dự thảo Nghị quyết có Văn phòng tham mưu phục vụ hoạt động của HĐND và ngành chuyên môn tham mưu xây dựng trình dự thảo Nghị quyết cùng phối hợp thực hiện. Đối với nội dung này ngành chuyên môn của UBND đã được hỗ trợ khi xây dựng dự thảo Nghị quyết, đối tượng được chi rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện Nghị quyết sau khi thông qua là các đối tượng được phân công để thực hiện.</p> <p>- Chi tiền ăn, phòng nghỉ: Văn phòng đề xuất</p> <p>- Vé xe: Qua hoạt động khảo sát và ý kiến của Sở Tài chính, Sở tư pháp Ban đã có điều chỉnh lại.</p> <p>- Về điểm k khoản 1, đề nghị dự thảo thay cụm từ “<i>Chế độ làm ngoài giờ</i>” bằng cụm từ “<i>Chế độ làm thêm giờ</i>” để phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành: tiếp thu.</p>
--	---	--

			<p>tặng... ; tuy nhiên, một số nội dung quy định trong dự thảo là chưa phù hợp, do đó, dự thảo nên quy định chung về chế độ khác phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân, còn một số nội dung như (thăm hỏi ốm đau, thăm viếng, chi mua đặc sản, tặng quà...) nên xem xét quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Về hỗ trợ tuyên truyền cho truyền hình giữ nguyên so với mức hỗ trợ tại Nghị quyết số 16/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của HĐND tỉnh, trong khi các mức chi khác trong dự thảo Nghị quyết cơ bản đều tăng so với quy định về mức chi trước đây: Cơ quan soạn thảo đã xem xét và thấy rằng, trong giai đoạn từ 2017-2019 mỗi kỳ họp thường diễn ra trong 03 ngày, đến năm 2020 trở đi các kỳ họp chi diễn ra trong 02 ngày, nên đề nghị giữ nguyên.</li> <li>- Về việc chi bồi dưỡng họp Đảng đoàn HĐND. Tiếp thu</li> <li>- Về nội dung chi, mức chi báo cáo tổng hợp các ý kiến tham gia các dự án luật, pháp lệnh: (giải trình ở sở tài chính)</li> <li>- Về đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tham gia họp các Ban của Hội đồng nhân dân. Tiếp thu.</li> </ul>
--	--	--	---	---

				<p>- Về Mức chi xây dựng văn bản giám sát, khảo sát Tại khoản 1 Điều 5 dự thảo quy định. Giữ nguyên như dự thảo. Lý do: trong quá trình xây dựng Ban KTNS có tham khảo nội dung chi và mức chi với một số tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng với tỉnh Cao Bằng (Bắc Kạn) mức chi dự thảo hiện nay bằng mức của tỉnh Bắc Kạn đã thực hiện trong giai đoạn 2016- 2021.</p> <p>- Tại Điều 6</p> <p>Tiếp thu tên của Điều “Chi hỗ trợ tiếp xúc cử tri”</p> <p>+ Tại khoản 1 dự thảo nên quy định mức chi cụ thể để thống nhất với các quy định khác trong dự thảo và thuận lợi trong quá trình áp dụng.</p> <p>+ Tại khoản 2. Ban tiếp thu</p>
--	--	--	--	---



				<p>+ + Tại khoản 3. Ban tiếp thu</p> <p>- Về quy định về khoản kinh phí tiếp xúc cử tri: việc quy định là phù hợp với khoản 3, điều 4 Nghị quyết số: 1206/2016/NQ-UBTVQH13.</p> <p>- Về Căn cứ xây dựng các nội dung chi Tại Điều 8: Căn cứ pháp lý để quy định nội dung chi, mức chi đối với nghiên cứu các tài liệu, báo cáo, đề án, hồ sơ dự thảo nghị quyết trình kỳ họp thường kỳ HĐND và chi xây dựng báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết và các văn bản phục vụ kỳ họp là Điểm h, khoản 9, Điều 30 Luật Ngân sách Nhà nước quy định: "<i>HĐND cấp tỉnh Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu</i></p>
--	--	--	--	--

				<p>chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương”. Có vận dụng các nội dung quy định tại Nghị quyết 524, Ban đã tiếp thu chỉnh sửa một số nội dung và mức chi của dự thảo nghị quyết, có khảo nội dung chi và mức chi với một số tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng với tỉnh Cao Bằng (Bắc Kạn, Hà Giang).</p> <p>Điều 9. Tiếp thu</p>
			<p>3. Về ngôn ngữ, kỹ thuật trình bày văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại dòng chữ “Xét Tờ trình số /TTr-HĐND...”, cơ quan soạn thảo cần trình bày đầy đủ tên của dự thảo nghị quyết, cụ thể: “Xét Tờ trình số /TTr-HĐND ngày ... của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh về dự thảo nghị quyết ban hành Quy định một số chế độ...”.</li> <li>- Dự thảo cần bổ sung phần Quốc hiệu, Tiêu ngữ, tên cơ quan ban hành tại phần mở đầu của dự thảo Quy định.</li> </ul>	<p>- Tiếp thu</p>

			<p>- Tại dòng chữ “(Ban hành kèm theo Nghị quyết số .....)” dưới phần tên của dự thảo Quy định, cơ quan soạn thảo cần bỏ từ “Ban hành” để phù hợp với Mẫu số 17 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>- Dự thảo cần trình bày tên các khoản bằng kiểu chữ thường (không đậm).</p> <p>- Dự thảo cần sắp xếp, trình bày, sử dụng ngôn ngữ khoa học, hợp lý và logic hơn.</p>	
3	ĐB Đặng Thị Duyên, đơn vị huyện Bảo Lâm	Gửi bản góp ý qua thư điện tử	Tại Điều 6, đề nghị bổ sung từ “hỗ” trước từ “trợ”, sửa thành “hỗ trợ”. Điều 11, thừa từ “độ”.	- Tiếp thu
4	Đại biểu Nguyễn Hùng Cường, đơn vị TP CB	Gửi bản góp ý qua thư điện tử	Nhất trí	
5	ĐB Đinh Ngọc Lang, đơn vị huyện Nguyên Bình	Gửi bản góp ý qua thư điện tử	Nhất trí	
6	Đại biểu Triệu Thị Thiết, đơn	Gửi bản góp ý qua thư điện tử	- Tại Mục d, Khoản 1, Điều 4 quy định khoản chi nghiên cứu tài liệu, báo cáo, đề án, hồ sơ dự thảo nghị quyết trình kỳ họp thường kỳ HĐND, mục chi cho thường trực HĐND các cấp đối với cấp huyện 7 triệu đồng/01 kỳ họp, cấp xã 5 triệu đồng/01 kỳ họp khoản này nên ghi rõ chi cho cả	- Qua làm việc với Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan, Ban

	vị huyện Thạch An		<p>chủ tịch và phó chủ tịch HĐND (cả kiêm nhiệm và chuyên trách).</p> <p>- Tại Khoản 6, Điều 10 quy định phụ cấp đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách đối với cấp huyện 0,7 mức lương cơ sở/tháng là quá cao, vì thực tế hiện nay như phụ cấp của các Ủy viên Ban thường vụ Huyện ủy mới chỉ được 0,6 mức lương cơ sở/tháng. Đề nghị Ban Kinh tế- Ngân sách HĐND tỉnh điều chỉnh cho phù hợp.</p>	<p>đã chỉnh sửa lại đối tượng được chi và mức chi.</p> <p>- Tiếp thu: Ban điều chỉnh mức hỗ trợ đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách của cấp huyện là 0,5 mức lương cơ sở/tháng, cấp xã là 0,5 mức lương cơ sở/tháng.</p>
7	Đại biểu Nông Anh Văn, đơn vị huyện Thạch An.	Gửi bản góp ý qua thư điện tử	<p>- Tại Mục d, Khoản 1, Điều 4 quy định khoản chi nghiên cứu tài liệu, báo cáo, đề án, hồ sơ dự thảo nghị quyết trình kỳ họp thường kỳ HĐND, mục chi cho thường trực HĐND các cấp đối với cấp huyện 7 triệu đồng/01 kỳ họp, cấp xã 5 triệu đồng/01 kỳ họp khoản này nên ghi rõ chi cho cả chủ tịch và phó chủ tịch HĐND (cả kiêm nhiệm và chuyên trách).</p> <p>- Tại Khoản 6, Điều 10 quy định phụ cấp đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách đối với cấp huyện 0,7 mức lương cơ sở/tháng là quá cao, vì thực tế hiện nay như phụ cấp của các Ủy viên Ban thường vụ Huyện ủy mới chỉ được 0,6 mức lương cơ sở/tháng. Đề nghị Ban Kinh tế- Ngân sách HĐND tỉnh điều chỉnh cho phù hợp với các phòng, ban, đoàn thể của huyện, thành phố.</p>	<p>- Qua làm việc với Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan, Ban đã chỉnh sửa lại đối tượng được chi và mức chi.</p> <p>- Tiếp thu: Ban điều chỉnh mức hỗ trợ đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách của cấp huyện là 0,5 mức lương cơ sở/tháng, cấp xã là 0,5 mức lương cơ sở/tháng.</p>

8	Đại biểu Đàm Thu Hằng, đơn vị huyện Quảng Hòa	Góp ý trực tiếp dự thảo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại điểm i, khoản 1, điều 4 của quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết bỏ từ “riêng’</li> <li>- Tiêu đề của khoản 2, điều 4 của quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết bỏ từ “thường kỳ’</li> <li>- Khoản 1, Điều 8 của quy định kèm theo, cấp huyện và xã không có Đảng Đoàn, đề nghị bỏ nội dung quy định liên quan đến hỗ trợ cho xây dựng chương trình, kế hoạch công tác, viết báo cáo của Đảng Đoàn cấp huyện, cấp xã</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- tiếp thu</li> <li>- Tiếp thu</li> <li>- Tiếp thu</li> </ul>
9	Đoàn ĐBQH tỉnh	Góp ý trực tiếp dự thảo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 2 điều 6 của quy định kèm dự thảo nghị quyết đề nghị nâng mức Hỗ trợ nhân viên, phóng viên Báo, Đài truyền hình phục vụ tiếp xúc cử tri: 50.000 đồng/người/buổi lên 100.000 đồng/người/buổi.</li> <li>- Khoản 1, điều 11 viết đầy đủ tên cơ quan “Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh</li> <li>- Điểm c, khoản 6, điều 11 bổ sung nội dung hỗ trợ hoạt động văn hóa thể thao</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban đã nâng mức Hỗ trợ nhân viên, phóng viên Báo, Đài truyền hình phục vụ tiếp xúc cử tri: 50.000 đồng/người/buổi lên 80.000 đồng/người/buổi.</li> <li>- Tiếp thu</li> <li>- Tiếp thu</li> </ul>
10	Ủy Ban Mặt trận tổ quốc		Nhất trí với dự thảo nghị quyết	
11	Thường trực HĐND huyện Hạ Lang	Công văn số 17/HĐND- CV ngày 29/10/2021	Nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết, đề nghị Ban Kinh tế- ngân sách xem xét kiến nghị với Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh về việc phân bổ kinh phí độc lập cho HĐND cấp huyện, cấp xã để tổ chức thực hiện các hoạt động của HĐND được đảm bảo và chủ động	- Tiếp thu, nội dung đề xuất đã được tổng hợp trong báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết 16 của Ban KTNS
12	Thường trực HĐND	Công văn số 108/HĐND- VP ngày	- Tại Mục d, Khoản 1, Điều 4 quy định khoản chi nghiên cứu tài liệu, báo cáo, đề án, hồ sơ dự thảo nghị quyết trình kỳ họp thường kỳ HĐND, mục chi cho thường trực HĐND các cấp đối với cấp huyện 7 triệu đồng/01 kỳ họp, cấp xã 5 triệu đồng/01 kỳ họp khoản này nên ghi rõ chi cho cả	- Qua làm việc với Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan, Ban

	huyện Thạch An	29/10/2021	<p>chủ tịch và phó chủ tịch HĐND (cả kiêm nhiệm và chuyên trách).</p> <p>- Tại Khoản 6, Điều 10 quy định phụ cấp đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách đối với cấp huyện 0,7 mức lương cơ sở/tháng là quá cao, vì thực tế hiện nay như phụ cấp của các Ủy viên Ban thường vụ Huyện ủy mới chỉ được 0,6 mức lương cơ sở/tháng. Đề nghị Ban Kinh tế- Ngân sách HĐND tỉnh điều chỉnh cho phù hợp.</p>	<p>đã chỉnh sửa lại đối tượng được chi và mức chi.</p> <p>- Tiếp thu: Ban điều chỉnh mức hỗ trợ đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách của cấp huyện là 0,5 mức lương cơ sở/tháng, cấp xã là 0,5 mức lương cơ sở/tháng.</p>
13	Thường trục HĐND huyện Bảo Lâm	Công văn số 146/HĐND ngày 29/10/2021	<p>- Tại mục a, khoản 6, Điều 6 có ghi “Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định, thực hiện khoán kinh phí tiếp xúc cử tri đối với đại biểu Hội đồng nhân dân và người phục vụ như sau”, tuy nhiên bảng khoán kinh phí chỉ có đại biểu Hội đồng nhân dân, không có người phục vụ, đề nghị bổ sung thêm người phục vụ.</p> <p>- Tại mục b, khoản 6, Điều 6 bổ sung thêm hỗ trợ người phục vụ trong tiếp xúc cử tri chuyên đề.</p> <p>- Tại khoản 2, Điều 9 bổ sung thêm mỗi nhiệm kỳ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện được trang bị hoặc cấp máy tính xách tay hoặc máy tính bảng, 01 cặp công tác.</p> <p>- Tại khoản 1, Điều 11 bổ sung thêm chi thăm hỏi, trợ cấp đối với cán bộ công chức, người lao động Văn phòng HĐND&amp;UBND huyện được thực hiện như đại biểu HĐND huyện, văn phòng cấp xã được thực hiện như đại biểu HĐND xã.</p> <p>- Tại khoản 5, Điều 11 đề nghị bổ sung thêm chi thăm tặng quà các ngày lễ lớn của các Ban, ngành địa phương.</p> <p>- Rà soát lại văn bản về các lỗi chính tả, thiếu dấu, thiếu từ, thừa từ...và số mục trong các khoản tại các Điều.</p>	<p>- Tiếp thu: do lỗi chính tả, cơ quan soạn thảo đã chỉnh sửa lại. chỉ có đại biểu mới thực hiện tiếp xúc cử tri.</p> <p>- không tiếp thu, không chi tiếp xúc cử tri cho người phục vụ, chỉ cho cho đại biểu.</p> <p>- Không tiếp thu, do cấp tỉnh đang thực hiện đề án kỳ họp không giấy nên có chế độ trang bị hoặc cấp máy tính xách tay hoặc máy tính bảng, 01 cặp công tác. Cấp</p>

				<p>huyện chưa thực hiện đề án này</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp thu</li> <li>- Tiếp thu</li> </ul>
14	<p>Thường trực HĐND huyện Bảo Lạc</p>	<p>Công văn số 37/HĐND ngày 29/10/2021</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại Chương I về quy định chung, tại Điều 3 Nguyên tắc chung bổ sung quy định “ Nguồn kinh phí chi bảo đảm hoạt động của HĐND các cấp do ngân sách nhà nước đảm bảo, được bố trí theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước. Hằng năm Thường trực HĐND lập dự toán ngân sách trình HĐND cùng cấp quyết định.</li> <li>- Tại Điều 9, ý 2 bổ sung: mỗi nhiệm kỳ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, <i>cấp huyện</i> được trang bị hoặc cấp máy tính xách tay hoặc máy tính bảng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban đã tiếp thu theo ý kiến đóng góp của Sở Tài chính</li> <li>- Không tiếp thu, do cấp tỉnh đang thực hiện đề án kỳ họp không giấy nên có chế độ trang bị hoặc cấp máy tính xách tay hoặc máy tính bảng, 01 cặp công tác. Cấp huyện chưa thực hiện đề án này</li> </ul>
15	<p>Thường trực HĐND huyện Trùng Khánh</p>	<p>Công văn số 113/HĐND-VP ngày 26/10/2021</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại điểm d, Khoản 1, điều 4, chương II, xem xét ghi rõ: Thường trực Hội đồng nhân dân (Chủ tịch, các Phó chủ tịch)</li> <li>- Tại gạch đầu dòng thứ 3, Khoản 5, điều 9, chương II, nội dung thứ 3 “- Chánh văn phòng tiếp phục vụ các hoạt động của Hội đồng nhân dân” ghi cấp tỉnh: 700.000,đ; cấp huyện: 50.000,đ; cấp xã: 350.000,đ. Đề nghị xem lại mức chi cho cấp huyện</li> <li>- Tại khoản 6, Điều 10, chương II: xem xét lại nội dung “Người nào kiêm nhiệm nhiều chức danh thì chỉ được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất”, lý do tại khoản 6 quy định dành cho đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Qua làm việc với Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan, Ban đã chỉnh sửa lại đối tượng được chi và mức chi</li> <li>- Qua làm việc với Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan, Ban</li> </ul>

				<p>đã bỏ nội dung này</p> <p>- Tiếp thu</p>
16	Thường trực HĐND huyện Hòa An	Công văn số 169/HĐND-KTXH ngày 29/10/2021	<p>- Tại chương II: đề nghị bổ sung nội dung chi tại mục 1- Chi hỗ trợ tuyên truyền tại cấp huyện đối với mức chi phát thanh trực tiếp mức chi tối đa 3.000.000đ/kỳ họp.</p> <p>- Chỉnh sửa lỗi chính tả</p>	<p>- Tiếp thu</p> <p>- Tiếp thu</p>
17	Thường trực HĐND huyện Nguyên Bình		<p>- Nhất trí các nội dung trong dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định một số chế độ, định mức chi bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2021-2026</p> <p>- Để đảm bảo thực hiện đầy đủ các nội dung, định mức quy định của nghị quyết; đề nghị HĐND tỉnh, UBND tỉnh xem xét, bố trí đủ nguồn lực, ngân sách cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>- Ban KTNS sẽ có ý kiến khi thẩm tra dự thảo nghị quyết ý dự thảo nghị quyết quy định mức và quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi năm 2022, thời kỳ ổn định NS 2022-2025</p>
18	Thường trực HĐND huyện Quảng Hòa	Công văn số 59/HĐND ngày 22/10/2021	<p><b>I. Dự thảo nghị quyết:</b> về các căn cứ bổ sung thêm căn cứ Luật giám sát Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015.</p> <p><b>II. Quy định Chương 1. Quy định chung</b></p> <p>1. Điều 3 Nguyên tắc chung.</p> <p>Nguồn kinh phí chi bảo đảm hoạt động HĐND các cấp được bố trí theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước. Hằng năm Thường trực HĐND lập dự toán ngân sách trình HĐND cùng cấp quyết định</p> <p>- Bổ sung như sau: Nguồn kinh chi bảo đảm hoạt động của HĐND các cấp do ngân sách nhà nước bảo đảm, được bố trí theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước. Hằng năm Thường trực HĐND lập dự toán ngân sách trình HĐND cùng cấp quyết</p>	<p>- Tiếp thu</p> <p>- Ban KTNS đã tiếp thu theo ý kiến Sở Tài chính và các ý kiến đã trùng ở trên</p>



định.

## **Chương II. Quy định cụ thể**

1. Tại ý 3 Điều 4 bổ sung chi tổ chức hội nghị giao ban giữa Thường trực HĐND huyện với Thường trực HĐND các xã, thị trấn.

a) Chi tiền ăn cho đại biểu HĐND huyện, xã thị trấn, khách mời dự họp và cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ: mức chi 300.000 đồng/ người/ ngày.

b) Chi chè, nước giải khát; Thực hiện theo quy định hiện hành.

c) Đại biểu tham dự hội nghị và nhân viên phục vụ được bố trí phòng nghỉ; mức chi tiền phòng nghỉ thực hiện theo quy định hiện hành.

d) Chi hỗ trợ xây dựng báo cáo, đề dẫn, tham luận tại hội nghị 350.000 đồng/văn bản

đ) Hỗ trợ trang trí khánh tiết:

- Đối với hội nghị tập trung không quá 2.000.000 đồng/ 1 hội nghị

- Đối với trực tuyến điểm cầu trung tâm không quá 2.000.000 đồng/ 1 điểm cầu; điểm cầu cấp xã, thị trấn không quá 1.000.000 đồng/1 điểm cầu

g) Chi hỗ trợ đại biểu không hưởng lương từ ngân sách nhà nước mức chi 300.000 đồng/ người/ hội nghị

2. Tại ý 2, ý 3 Điều 8 sửa đổi bổ sung:

- Chi xây dựng thông báo kết luận của Thường trực HĐND phát sinh giữa hai kỳ họp HĐND mức chi tối đa: Cấp tỉnh: 500.000 đồng/ văn bản; cấp huyện 350.000 đồng/ văn bản; cấp xã, thị trấn 200.000 đồng/ văn bản.

- Chi soạn thảo báo cáo thẩm tra, tham mưu đề xuất giải quyết nội dung UBND trình phát sinh giữa hai kỳ họp mức chi: Cấp tỉnh: 500.000 đồng/ văn bản; cấp huyện 350.000 đồng/ văn bản; cấp xã, thị trấn 200.000 đồng/ văn bản

			<p><b>3. Tại ý 2, ý 5 Điều 9 bổ sung:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mỗi nhiệm kỳ, đại biểu HĐND cấp tỉnh được trang bị một máy tính xách tay hoặc máy tính bảng, 01 cặp công tác. Đại biểu hoạt động chuyên trách HĐND cấp huyện, cấp xã, thị trấn được trang bị 01 máy tính bảng hoặc máy tính bảng.</li> <li>- Chi hỗ trợ nghiên cứu tài liệu đối với các đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách, bộ phận văn phòng trực tiếp tham mưu về chuyên môn cho hoạt động của HĐND, mức chi khoán như sau:</li> </ul> <p style="text-align: center;"><i>Đơn vị tính: đồng/ người/ tháng./</i></p> <table border="1" data-bbox="533 528 1787 1222"> <thead> <tr> <th>Đối tượng</th> <th>Cấp tỉnh</th> <th>Cấp huyện</th> <th>Cấp xã, thị trấn</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Chủ tịch Hội đồng nhân dân</td> <td></td> <td>1.000.000</td> <td>700.000</td> </tr> <tr> <td>Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân</td> <td>1.000.000</td> <td>800.000</td> <td>600.000</td> </tr> <tr> <td>Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân</td> <td>800.000</td> <td>700.000</td> <td>500.000</td> </tr> <tr> <td>Chánh văn phòng trực tiếp phục vụ các hoạt động của HĐND</td> <td>800.000</td> <td>500.000</td> <td>300.000</td> </tr> <tr> <td>Phó các ban Hội đồng nhân dân</td> <td>700.000</td> <td>400.000</td> <td>300.000</td> </tr> <tr> <td>Phó Chánh văn phòng trực tiếp phục vụ các hoạt động của HĐND</td> <td>700.000</td> <td>400.000</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Chuyên viên trực tiếp phục vụ hoạt động của Thường trực HĐND, các ban của HĐND</td> <td>500.000</td> <td>200.000</td> <td>150.000</td> </tr> </tbody> </table>	Đối tượng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã, thị trấn	Chủ tịch Hội đồng nhân dân		1.000.000	700.000	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	1.000.000	800.000	600.000	Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân	800.000	700.000	500.000	Chánh văn phòng trực tiếp phục vụ các hoạt động của HĐND	800.000	500.000	300.000	Phó các ban Hội đồng nhân dân	700.000	400.000	300.000	Phó Chánh văn phòng trực tiếp phục vụ các hoạt động của HĐND	700.000	400.000		Chuyên viên trực tiếp phục vụ hoạt động của Thường trực HĐND, các ban của HĐND	500.000	200.000	150.000	
Đối tượng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã, thị trấn																																	
Chủ tịch Hội đồng nhân dân		1.000.000	700.000																																	
Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	1.000.000	800.000	600.000																																	
Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân	800.000	700.000	500.000																																	
Chánh văn phòng trực tiếp phục vụ các hoạt động của HĐND	800.000	500.000	300.000																																	
Phó các ban Hội đồng nhân dân	700.000	400.000	300.000																																	
Phó Chánh văn phòng trực tiếp phục vụ các hoạt động của HĐND	700.000	400.000																																		
Chuyên viên trực tiếp phục vụ hoạt động của Thường trực HĐND, các ban của HĐND	500.000	200.000	150.000																																	
19	TT HĐND Thành phố Cao	Công văn số 156/HĐND- VP ngày 29/10/2021	<p>1. Đối với dự thảo Nghị quyết ban hành</p> <p>- Về bố cục: Tại Quyết nghị quy định 3 Điều "Điều 1...</p>	<p>- Tiếp thu</p> <p>- Qua xem xét tổng hợp Ban thấy có một số góp</p>																																

Bảng	<p>Điều 2. Tổ chức thực hiện</p> <p>Điều 3. Hiệu lực thi hành"</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo văn bản xem xét Nghị quyết quy định 2 Điều, bỏ Điều 3;</p> <p>"Điều 1...</p> <p>Điều 2. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành"</p> <p>Đề nghị xem lại thể thức trình bày văn bản (đánh thứ tự các khoản tại các Điều trong quy định (ví dụ: tại Điều 10 quy định khoản 1, 5 không có khoản 2, 3, 4).</p> <p>- Về nội dung:</p> <p>Tại Điều 2, Điều 3 quy định:</p> <p>" Điều 2. Tổ chức thực hiện</p> <p>1. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp bảo đảm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết</p> <p>2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.</p> <p>Điều 3. Hiệu lực thi hành</p> <p>Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XVII Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2021."</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo văn bản bổ sung cụm từ vào khoản 2 Điều 2 " tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh " và bổ sung nội dung vào cuối Điều 3 (Hiệu lực thi hành): "...., thay thế Nghị quyết số 16/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 ban hành Quy định một số chế độ định mức chi đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng."</p> <p>Xem xét điều chỉnh, bổ sung nội dung tại Điều 2 (tổ chức thực hiện) đồng thời tên tiêu đề của Điều 2 sẽ được điều chỉnh, bổ sung, được quy định như sau:</p> <p>" Điều 2. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành</p>	<p>ý đã trùng với các đơn vị nêu trên và đã được giải trình ở trên. Các lỗi về chính tả Ban đã tiếp thu và chỉnh sửa.</p>
------	--	---

- "1. Thường trực HĐND, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XVII, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày....tháng 12 năm 2021, thay thế Nghị quyết số 16/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 ban hành Quy định một số chế độ, định mức chi đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng."

## 2. Đối với nội dung Quy định

- Tại Điều 1 phạm vi điều chỉnh quy định một số chế độ, định mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2021-2026, gồm có 8 mục chi, tuy nhiên khi xem xét đối chiếu tại các Điều quy định tại chương II những quy định cụ thể (từ Điều 4 đến Điều 11) tên của các Điều không khớp và chưa đầy đủ theo các mục chi quy định tại Điều 1, đề nghị cơ quan soạn thảo văn bản xem xét lại.

*Ví dụ:*

+ Tại khoản 1 Điều 1 quy định "*Chi hoạt động phục vụ kỳ họp HĐND*", thiếu cụm từ "**cuộc họp**" so với tên tiêu đề tại Điều 4 quy định "*chế độ, định mức chi cho hoạt động phục vụ các kỳ họp, cuộc họp*"

+ Tại Điều 5 "*Mức chi cho công tác giám sát, khảo sát*", thiếu cụm từ "**thẩm tra**" so với quy định tại khoản 1 Điều 1 "*Chi hoạt động **thẩm tra, giám sát, khảo sát***", nội dung chi quy định chi cho giám sát, khảo sát, không quy định chi cho thẩm tra.

.....

- Tại khoản 2 Điều 3 nguyên tắc chung

"*Việc chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND các cấp phải có trong dự toán được giao, đảm bảo đúng chế độ, định mức, đối tượng được hưởng quy định theo Nghị quyết này và các quy định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.*

*Nguồn kinh phí chi đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp được bố trí theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước. Hàng năm Thường trực HĐND lập dự toán ngân sách trình HĐND*

**cùng cấp quyết định."**

Cơ bản nhất trí với các định mức chi tại dự thảo Quy định, tuy nhiên định mức chi cao so với ngân sách Nhà nước giao. Hằng năm Thường trực HĐND lập dự toán ngân sách trình HĐND cùng cấp quyết định, tuy nhiên ngân sách giao không đủ chi cho các hoạt động của HĐND (Thường trực HĐND và HĐND), do vậy tính khả thi không cao. Thường trực HĐND Thành phố đề nghị cơ quan soạn thảo văn bản xem xét bổ sung thêm nội dung vào quy định nguyên tắc chung:

" Ngân sách các cấp chính quyền địa phương bố trí kinh phí cho hoạt động của HĐND cùng cấp, phân bổ dự toán kinh phí hằng năm cho cơ quan phục vụ hoạt động của HĐND cấp mình."

- Tại khoản 2, khoản 3 Điều 8 chi công tác xây dựng và ban hành văn bản: "*Chi xây dựng thông báo kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về nội dung cuộc họp, văn bản của Thường trực HĐND giải quyết nội dung UBND tỉnh trình phát sinh giữa hai kỳ họp HĐND tỉnh mức chi tối đa là 500.000 đồng/văn bản.*" Chi quy định chi đối với cấp tỉnh, không quy định chi đối với cấp huyện và cấp xã.

- Tại khoản 9 Điều 9 chi tiền trợ cấp lễ, tết, ăn trưa cho cán bộ, công chức, người lao động: "*Chi soạn thảo báo cáo thẩm tra, tham mưu, đề xuất giải quyết nội dung UBND tỉnh trình phát sinh giữa hai kỳ họp HĐND tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo.*" Chi quy định chi đối với cấp tỉnh, không quy định chi đối với cấp huyện và cấp xã.

- Tại khoản 5 Điều 10 **quy định chi** đối với các chức vụ kiêm nhiệm của Hội đồng nhân dân.

*Đơn vị tính: mức lương cơ sở/người/tháng*

<b>Nội dung</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>Cấp xã</b>
1. Trưởng ban	0,5	0,3	0,15
2. Phó Trưởng ban			0,1
3. Tổ trưởng, tổ đại biểu	0,2	0,15	
4. Tổ phó tổ đại biểu	0,15	0,1	
5. Thành viên các Ban HĐND	0,2	0,15	0,1

Loại phụ cấp này áp dụng với cán bộ, công chức, viên chức giữ chức danh lãnh đạo

(bầu cử, bổ nhiệm) ở một cơ quan, đơn vị nhưng cũng được bầu cử hoặc bổ nhiệm kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan, đơn vị khác mà đơn vị này được bố trí biên chế chuyên trách người đứng đầu nhưng hoạt động kiêm nhiệm (khoản 2 Điều 6 Nghị định 204/2004/NĐ-CP). Theo đó, Mục III Thông tư 78/2005/TT-BNV quy định cụ thể cách tính mức hưởng phụ cấp kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đơn vị, cơ quan khác: Phụ cấp kiêm nhiệm = 10% mức lương hiện hưởng cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có). Vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo văn bản tham mưu định mức chi kiêm nhiệm đối với các chức vụ kiêm nhiệm hưởng 10% so với mức lương hiện hưởng cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có), có thể quy định như sau:

“ - *Chủ tịch HĐND cấp tỉnh, cấp huyện, Trưởng ban HĐND cấp tỉnh, cấp huyện: thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan, đơn vị khác theo quy định chế độ tiền lương hiện hành.*

- *Chủ tịch HĐND cấp xã kiêm nhiệm: Thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm chức danh theo quy định hiện hành đối với cán bộ, công chức cấp xã.*

- *Các chức danh khác:*

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ (đồng/người/tháng)		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Trưởng ban kiêm nhiệm			400.000
2	Phó Trưởng ban kiêm nhiệm	800.000	500.000	300.000
3	Tổ trưởng tổ đại biểu	1.000.000	500.000	
4	Tổ phó tổ đại biểu	800.000	400.000	
5	Thành viên các Ban HĐND	1.000.000	500.000	300.000

- **Tại Chương III Tổ chức thực hiện**

" **Điều 12.** Căn cứ vào các chế độ, định mức chi tiêu tài chính hiện hành của nhà nước và

		<p><i>các chế độ, định mức chi tại Quy định này, Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp tổ chức thực hiện để bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp đạt hiệu quả, thiết thực.</i></p> <p><b>Điều 13.</b> <i>Khi có quy định mới của Trung ương, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm rà soát các nội dung chi, định mức chi tại Quy định này để xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./."</i></p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo văn bản điều chỉnh, bổ sung và quy định lại:</p> <p><b>" Điều 12.</b> <i>Căn cứ vào chế độ, định mức chi tiêu tài chính hiện hành của Nhà nước, của tỉnh và quy định tại Nghị quyết này, Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện để bảo đảm hoạt động của HĐND các cấp đạt hiệu quả, thiết thực.</i></p> <p><b>Điều 13.</b> <i>Hàng năm, Thường trực HĐND các cấp chỉ đạo cơ quan phục vụ hoạt động của HĐND phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp lập dự toán kinh phí hoạt động của HĐND cấp mình, thực hiện chấp hành dự toán và báo cáo quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước./."</i></p>	
20	Kho Bạc Nhà nước Cao Bằng	<p>Công văn số 628/KBCB-KTNN ngày 08/11/2021</p> <p>1. Bổ sung phần căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị vào dự thảo Nghị quyết (vì trong dự thảo có cuộc họp, kỳ họp, hội nghị...)</p> <p>2. Đối với một số nội dung chi, qua đối chiếu với các căn cứ trong dự thảo và chế độ chính sách không có quy định hoặc xây dựng vượt định mức, cụ thể như sau:</p> <p>2.1. Một số nội dung chi không có căn cứ quy định, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điểm b khoản 1 Điều 4 "Nếu họp thẩm tra trong ngày nghỉ, ngày Lễ mức chi bằng 200% mức chi quy định trên".</li> <li>- Điểm d khoản 1 Điều 4 (Khoản chi nghiên cứu các tài liệu, báo cáo, đề án, hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình kỳ họp thường kỳ Hội đồng nhân dân).</li> <li>- Điểm g khoản 1 Điều 4 (Chi bồi dưỡng các ngày diễn ra kỳ họp).</li> <li>- Điểm l khoản 1 Điều 4 (Chi hỗ trợ tuyên truyền).</li> <li>- Điểm c khoản 2 Điều 4 (Chi tham vấn ý kiến nhân dân).</li> <li>- Điểm đ khoản 3 Điều 4 (Hỗ trợ trang trí khánh tiết).</li> <li>- Khoản 2 Điều 5 "Nếu đi giám sát, khảo sát trong ngày nghỉ, ngày Lễ mức chi bằng 200%</li> </ul>	<p>- Tiếp thu</p> <p>- Ban tiếp thu</p> <p>- Đã có giải trình ở trên (trùng với sở tài chính và tư pháp)</p> <p>- Tiếp thu</p>

	<p>mức chi quy định trên”.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 3 Điều 10 (Phụ cấp Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách). Nếu những khoản chi trên có cơ sở chi thì phải đưa vào các căn cứ của dự thảo Nghị quyết.</li> </ul> <p>2.2. Một số khoản chi vượt định mức quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điểm h khoản 1 Điều 4 (Mức chi tiền ăn): 300.000đ (bao gồm cả đồ uống) cho Đại biểu Hội đồng nhân dân và các thành phần tham dự kỳ họp cấp tỉnh, cấp huyện vượt quá mức tiền ăn được quy định trong Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017.</li> <li>- Khoản 2 Điều 5 (Chi cho đoàn giám sát, khảo sát và các cuộc họp giám sát, khảo sát) mức chi cho Phó trưởng đoàn: 150.000đ, vượt định mức so với quy định trong điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13.</li> <li>- Khoản 1 Điều 11 (Chi thăm hỏi, trợ cấp ốm đau; tang lễ). Gạch đầu dòng thứ 3: Chi trợ cấp đối với gia đình nếu từ trần (không bao gồm vòng hoa, lễ viếng được thanh toán theo thực tế). Mức chi vượt định mức quy định trong điểm a khoản 6 Điều 14 Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13.</li> <li>- Khoản 3 Điều 11 (Chế độ tặng quà lưu niệm) Đại biểu hội đồng nhân dân chuyển công tác, thôi làm nhiệm vụ đại biểu được tặng quà lưu niệm. Vượt định mức được quy định trong Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13.</li> </ul> <p>3. Tại Điều 6 (Chi trợ tiếp xúc cử tri) đề nghị sửa lại cho đầy đủ là “Chi hỗ trợ tiếp xúc cử tri”. Tại khoản 4 Điều này “chi xây dựng báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri” vượt định mức quy định trong khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13.</p>	<p>-</p> <p>Tiếp thu</p> <p>-Văn phòng đề xuất</p> <p>- Tiếp thu</p> <p>- Tiếp thu</p> <p>- tiếp thu</p>
--	--	--

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Lưu VT

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**



*La Văn Hồng*  
**La Văn Hồng**